

TRUYỆN VUI DÂN GIAN

Trạng Quỳnh **XIÊN BỘT**



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

<http://tieu-thun.hopto.org>

NHÂN VĂN

Sưu tầm - tuyển chọn và giới thiệu.

TRUYỆN VUI DÂN GIAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

<http://trivn.hoplo.org>

TRUYỆN TRẠNG LỘN

CHUYỆN KỂ

Làng Dừa thuộc tỉnh Hà Nam, có nhà họ Dương vốn dòng khoa bảng. Đến đời ông Dương Đình Lương thìn phải xoay ra làm nghề mổ lợn. Hai vợ chồng sinh được một trai, nhưng đứa bé học dốt. Ông Lương thường lấy làm buồn phiền, ngày đêm chỉ cầu mong có được một thằng con thông minh để nối nghiệp tổ tiên.

Ít lâu sau, quả nhiên bà Lương thụ thai và sinh được một trai nữa. Hai vợ chồng vui sướng vô cùng, bày tiệc ăn mừng và đặt tên là Dương Đình Chung, tục gọi là Chung Nhi.

Năm Chung Nhi lên ba tuổi, triều đình mở khoa thi. Có một ông Trạng nguyên và một ông Bảng nhãn vinh quy về qua làng Dừa. Già trẻ lớn bé kéo nhau ra xem. Chung Nhi trông thấy đám rước liền chỉ vào người mặc áo trào, hỏi bố:

– Ông kia là ông gì, hở bố?

Bố đáp:

– Ông ấy là quan Trạng.

Chung Nhi lại chỉ vào ông mặc áo trào đi sau, hỏi:

– Bố ơi! Thế còn ông kia là ông gì?

Bố đáp:

– Ông ấy là quan Bạng.

– Ông nào hơn ông nào?

– Quan Trạng hơn.

– Thế thì sau này con cũng làm quan Trạng.

Ông Lương cười nói:

– Gớm! Mày tưởng làm quan Trạng dễ lắm đấy à? Phải học hành khổ sở lắm mới làm nên Trạng chứ.

– Ngày sau con lớn, con làm Trạng cho mà xem.

Từ đấy, Chung Nhi cứ mơ tưởng hai chữ Trạng nguyên, hề mở miệng nói là xưng Trạng, khi chơi với trẻ thì lấy lá sen làm lọng, lá chuối làm cờ, lấy mo nang làm kiệu rước.

Một hôm có khách đến chơi, thấy thế hỏi đùa:

– Trạng dở hay Trạng nguyên?

Chung Nhi đáp lại:

— Khách quen hóa khách lạ!

Khách rất đổi ngạc nhiên. Thấy thằng bé trả lời không những trôi chảy mà lại đôi rất hoàn chỉnh. khách khuyên ông Lương nên cho theo học.

THIÊN TÍCH THÔNG MANH

Năm Chung Nhi sáu tuổi, ông Lương cho theo học thầy đồ ở làng bên. Chung Nhi hỏi mẹ:

— Mẹ ơi! Thầy đồ hơn Trạng nguyên hay Trạng nguyên hơn thầy đồ?

Mẹ trả lời:

— Trạng hơn thầy đồ chứ.

— Thế thì con chả học thầy đồ đâu.

— Không được con ạ. Muốn làm Trạng thì trước phải làm học trò thầy đồ đã.

Thấy mẹ nói thế, Chung Nhi mới vui vẻ chịu cấp sách đi học.

Thầy bảo Chung Nhi vào lễ, Chung Nhi liền hỏi:

— Thầy bảo lễ ai ạ?

— Lễ trình Đức Thánh.

Chung Nhi lại nói:

- Đức Thánh có hơn Trạng nguyên không ạ?
- Nhất Thánh nhì Trạng.

Bấy giờ Chung Nhi mới chịu vào lễ. Lễ xong, ông Lương bảo vào lễ thầy, Chung Nhi cho rằng thầy kém Trạng nên có ý không muốn lễ. Ông Lương lại dỗ mãi, Chung Nhi mới chịu vào lễ. Khi lễ xong, thầy cười nói với ông Lương.

- Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn.

Chung Nhi nghe, không bằng lòng liền nói với bố:

- Thế thì con không học đâu.

Ông Lương dỗ:

– Con cứ chăm học thì can chi thầy đánh.

– Thế, học mấy hôm thì thành Trạng?

Thầy đồ bật cười, nói:

– Học dăm ba hôm thì thành Trạng thôi.

Chung Nhi ra chiều thích lắm. Hôm thầy đọc một câu trong Tam



tự kinh cho học: “*Thánh phù công dụng*”. Thầy đọc xong, thì Chung Nhi quên đọc trạo là: “*Thiên tích thông manh, Thánh nằm chống gọng*”. Học đi học lại năm bảy lần mà cứ vẫn trạo như thế. Thầy giận lắm, nọc ra đánh. Nhưng hễ thầy vừa giơ roi lên thì Chung Nhi đã nằm ngửa mặt trời, đọc rồi rít:

– “*Thiên tích thông manh, Thánh nằm chống gọng*”.

Thầy đồ bật cười tha cho.

TRỜI CÓ HAI NGƯỜI, ĐẤT CÓ MỘT

Tính Chung Nhi hay mãi chơi. Ở nhà học, khi vắng mặt thầy thường rủ bạn bè làm cờ, quạt, chiêng trống, rồi giả bộ rước như kiểu người ta vinh qui nghe thật inh ỏi. Một lần đùa nghịch kiểu như vậy thì thầy học bất ngờ trở về và bắt gặp quá tang. Cảnh tượng lúc ấy thì khỏi nói: lằng xằng đĩa cầm cờ, đĩa vác tàn, gõ trống ầm ĩ.

Nghe tiếng ông thầy tăng hắng, cả đám quay lại rồi thất kinh bỏ chạy vút hết đồ chơi. Chỉ có Chung Nhi là vẫn đứng yên như chịu trận. Thầy liền bắt vào, hỏi:

– Tại sao khi vắng ta, con lại cùng chúng bạn bày trò đùa nghịch như vậy hả?

Chung Nhi trả lời tỉnh khô:

– Thưa thầy! Chúng con đang tập lễ nghi mà.

Thầy nghe nói vậy cũng bật cười mà tha cho không bắt lỗi.

Lại có hôm thầy qua nhà bạn chơi, giao cho Chung Nhi giữ nhà. Lát sau có một ông khách đến chơi vào đến sân đã hỏi:

– Thầy đồ có nhà hay đi vắng vậy hả?

Chung Nhi ở trong nói vọng ra:

– Thầy đi vắng rồi. Nhưng có Trạng ở nhà đây. Mời ông vào!

Ông khách nghe vậy nhìn vào chỉ thấy có một thằng bé còn không thấy ai nữa, rất ngạc nhiên hỏi lại:

– Trạng đâu?

Chung Nhi liền đáp ngay rằng:

– Trạng đây chứ Trạng đâu.

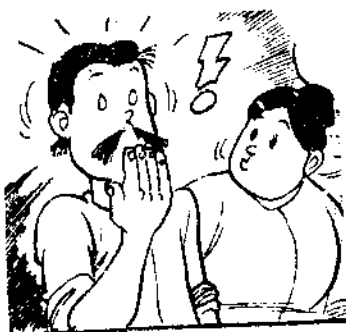
Nói chưa dứt lời thì thầy đồ về. Ông khách đem kể chuyện lại, thầy đồ lúc này đã có vẻ không dám coi thường học trò mình nữa, vội bảo bạn:

– Thưa ông! Nó là con nhà hàng thịt đấy ạ. Tuy chưa học ra gì cả nhưng ăn nói thì rất đời

thông minh, nhất là cái tài ứng đối thì ăn hết cả bạn bè cùng học!

Ông khách không mấy tin lắm, bắt bẻ:

— Ông cứ là quá lời. Con nhà hàng thịt thì xưa nay đã được ai ra cơm cháo gì. Hạng ấy chỉ giỏi nhất là làm lòng với tiết canh.



Nói rồi, ông khách quay qua Chung Nhi và hỏi giễu:

— Ô! Xin chào quan Trạng. Trạng đã học đến đâu rồi?

Chung Nhi ung dung trả lời:

— Học đến trời đất.

Khách giả vờ ngớ ngẩn, hỏi tiếp:

— Trời là gì? Đất là gì?

Chung Nhi vỗ tay cười ầm lên rằng:

— VẬY ĐÍCH THỊ LÀ ÔNG CHƯA ĐI HỌC BAO GIỜ. ÔNG CHẢ BIẾT TRỜI, BIẾT ĐẤT LÀ GÌ Ơ? TRỜI LÀ “THIÊN”, ĐẤT LÀ “ĐỊA” MÀ CŨNG HỎI THÌ CÒN RA CÁI GÌ NỮA.

Ông khách giận lắm, nói lấp liếm:

— Thằng này còn trẻ con lắm!

– À! Tôi trẻ con còn ông là người lớn. Vậy tôi đổ ông nhé: Trên trời có gì? Dưới đất có gì?

– Trời có trăng sao, đất thì có sông núi chớ gì mà phải đổ.

– Ông nói chưa phải rồi. Trên trời có hai người còn đất chỉ có một người học trò.

– Sách nào dạy như vậy?

– Thánh dạy chứ ai. Ông chưa học chữ “thiên” chữ “địa” à? “Nhị nhân” là chữ thiên còn “sĩ dã” là chữ địa, thế chẳng phải như tôi nói là gì?

Nguyên chữ “thiên” tựa như gồm hai chữ “nhị” và “nhân” nghĩa là hai người. Chữ “địa” lại gồm hai chữ “sĩ” (đúng ra là chữ thổ) và chữ “dã”. Mà chữ “sĩ” là học trò. Vậy là Chung Nhi đã biết cách lắt léo để chơi chữ theo lối chiết tự.

Ông khách nghe vậy, lấy làm phục, không giận nữa mà lại hỏi:

– Vậy thì theo trò thì hai người trên trời và một người dưới đất là ai?

Chung Nhi đáp ngay:

– Hai người ở trên trời là ông trời, bà trời. Còn một người học trò dưới đất chính là tôi vậy.

MUA LỢN

Một hôm, Chung Nhi bỏ trường trốn về bảo với bố mẹ:

— Con học hết sách thầy rồi, nay về nhà nghỉ để sách sửa đi thi Trạng đây.

Ông Lương phì cười, nói:

— Chưa mọc lông ống đã đòi bay bổng. Một câu trong Tam tự kinh còn chưa thuộc thì thi với cử thế nào được.

Chung Nhi vùng vằng nói:

— Thế sao thầy bảo học dăm ba hôm thì làm được Trạng?

— Đó là thầy nói để con chịu học, chứ Trạng đâu lại dễ thế?

Tuy vậy, Chung Nhi vẫn yên trí là đã học xong rồi.

Lúc Chung Nhi mười ba tuổi, học hành vẫn dốt nát, nhưng đùa nghịch thì hơn quỷ sứ, ông



Lương thấy vậy buồn rầu tự nhủ: “giở nào, quai ấy”, cung cách này dành cho theo nghề mổ lợn vậy?

Từ đấy, Chung Nhi bỏ học theo bố làm nghề mổ lợn. Chung Nhi thích lắm, thuộc vanh vách từ cách mời chào, những câu nói lái, cho đến việc pha thịt, bổ thủ.

Một hôm, hai bố con sang làng bên vào đình một viên quan hưu trí mua lợn. Quan ông thì đang ngủ mà quan bà thì đi vắng. Bố con xin cho ra chuồng xem lợn. Khi ấy quan vừa dậy. Ông Lương vái chào rồi bẩm:

– Chúng con ở làng bên, nghe nói quan có lợn bán nên đến mua.

Quan mắt nhắm mắt mở, không trả lời, lững thững bước ra cửa, lấy khăn chùi mặt, vuốt bộ râu rề sang hai bên, đoạn búi tóc lại tóc, rồi quay vào.

Chung Nhi thấy thế, bèn kéo bố vào chuồng bắt lợn. Ông Lương vội bảo con:

– Quan đã truyền cho giá cả bao nhiêu dẫu mà vào bắt?

Chung Nhi nói:

– Thế bố không biết à? Quan khinh cha con mình là người mổ lợn nên không thèm nói, chỉ giơ tay làm hiệu, giá mười tám quan đấy.

Dứt lời, Chung Nhi đem đồng tiền đủ mười tám quan giữa san, rồi vào bắt lợn. Vừa gặp lúc quan bà về, hỏi:

– Ai bán lợn cho các anh mà dám tự tiện vào bắt?

Chung Nhi nhanh nhẩu đáp:

– Bẩm! Ông lớn bằng lòng bán rồi đấy.

Quan bà chạy vào gắt với chồng:

– Sao lợn to thế mà ông bán có mười tám quan?

Quan ông ngạc nhiên, cho gọi bố con Chung Nhi vào quát:

– Ai bán mà bay dám nói là ta bảo mười tám quan?

Chung Nhi liền thưa:

– Bẩm! Khi này con thấy quan lấy khăn chùi ngang mắt, lại vuốt râu từ trán xuống, rồi rẽ râu sang hai bên, rõ ràng là chữ “thập bát”. Quan lại giơ tay búi tóc ra hiệu rằng: thuận mười tám quan thì vào mà bắt lợn. Chúng con đã chồng đủ tiền ở sân rồi,

Quan thấy Chung Nhi biện bác giỏi, phì cười bảo:

— Ta không định bán, nhưng khen chú bé thông minh, nên ta cũng bằng lòng bán cho. Thôi, hai cha con vào mà kiêng lợn về.

BẮT TRỘM

Mùa đông năm sau, ông Lương mất. Hết ba năm tang tóc rồi mà Chung Nhi vẫn buồn rầu cứ đi lang thang nơi này nơi khác, chẳng thiết gì làm ăn. Mẹ thấy thế càng thương càng chiều, nhưng Chung Nhi không chịu ở nhà rồi đâm hư, rượu chè be bét.



Người anh khuyên :

— Bố mẹ sinh ra hai anh em ta, chẳng may vẫn dốt vũ nát, không làm nên cơm cháo gì, song cũng phải lo cho yên nghiệp nhà chứ. Nay bố chết rồi, chỉ còn mẹ già, chú cũng nên tu tỉnh làm ăn cho vui lòng mẹ, chứ cái đà này thì nhà ta đến thất cơ lỡ vận mất. Tội

bất hiếu bất mục ấy, ai chịu cho?

Chung Nhi vờ như người điếc, chẳng nói chẳng rằng. Chị dâu thấy thế bèn nói:

– Chú cứ rượu chè hư hỏng như thế chẳng sợ mang tiếng sao? Còn phải tính đến chuyện vợ con chứ. Như thế này thì ai người ta dám lấy.

Chung Nhi ngất ngưỡng đáp:

– Anh chị cứ yên tâm. Mai kia em đồ trạng thì khôi vợ, khôi tiền, tha hồ nên danh nên giá.

Chị dâu thấy Chung Nhi nói ngông liền nhấc:

– Chú thì Trạng gì? Trạng rượu, Trạng thịt thì có!

Chung Nhi vẫn cứ nhởn nhơ, đáp:

– Rồi anh chị xem, thế nào em cũng làm được Trạng!

Hôm sau Chung Nhi vừa đi chơi về, người chị dâu đã nói mát:

– À! Chú đồ Trạng, vinh quy về đó à? Trạng rượu hay Trạng thịt đấy?

Thấy chị dâu cứ nói mỉa mai như thế, Chung Nhi trong lòng bực bội, quyết bỏ nhà ra đi, bèn vào lạy mẹ mà rằng:

– Con xin từ tạ mẹ. Phen này nếu không làm nên danh giá, thì con quyết không trông thấy mẹ nữa.

Nói xong, nước mắt chan hòa, lạy mẹ rồi đi.

Vừa ra đến cổng thì gặp hai người khăn áo chỉnh tề, trước thầy sau tớ, vác lều chõng đi qua. Chung Nhi liền hỏi:

– Chẳng hay hai ngài đi đâu mà thầy tớ đề huề như vậy?

Hai người kia liền đáp:

– Chúng tôi thấy kinh đi thi đây. Còn thầy thì đi đâu?

Chung Nhi cười nói:

– Thế thì may mắn quá! Chúng ta cùng đi cho vui. Tôi cũng đi thấy kinh đi thi đây.

Mọi người nhập bọn cùng đi.

Tính Chung Nhi cởi mở, vui vẻ, hay nói hay cười, hai người kia rất mến, dọc đường mọi chi phí, họ đều đỡ cho cả.

Trời tối rồi mà đường còn xa, ba người tìm vào một cái quán để nghỉ. Suốt ngày đi mệt, cả bọn lẫn ra ngủ say như chết. Đêm đến, có hai tên kẻ trộm mò vào, giữa lúc đó Chung Nhi nằm mơ thấy mình đang bắt lợn mà con lợn lại sống mất, liền hét to lên:

– Đây rồi, bắt, bắt trời... lại... cắt tiết!

Hai tên trộm tưởng khách trọ hô hoán bắt mình, hốt hoảng vút đồ đạc lại mà chạy. Hai người kia nhồm dấy, kiểm lại hành lý không suy suyền gì mừng quá, rồi rít cảm ơn Chung Nhi.

THÂM TÌNH HUYỀN LÝ

Đi qua một ngôi chùa thâm nghiêm, tĩnh lặng, thấy phong cảnh đẹp, Chung Nhi và hai người bạn rủ nhau vào vân cảnh. Họ dạo quanh một lúc thì đã tối. Vừa khi trăng lên, nhà sư ra mời vào trai phòng uống trà. Ba người mừng lắm, nhận lời. Trai phòng sạch sẽ, phong quang, gió đưa mùi hương thơm ngát. Nhìn cảnh trăng soi đáy nước, liễu rủ phất phơ, thấp thoáng sen hồ, ba người tưởng như lạc vào nơi bồng lai tiên cảnh.

Nhà sư thấy khách vân chùa ra dáng học trò



đi thi, bèn đem giấy bút ra, xin ba thầy đề thơ làm kỷ niệm.

Hai người bạn lĩnh giấy bút đề luôn hai bài thơ tức cảnh. Chung Nhi nghĩ bụng, không lẽ mình cứ ngồi ỳ ra, e không tiện, liền cầm bút định viết bốn chữ tiếng lóng của lái lợn: “Thâm tình lập lái”, nghĩa là “Ba quan là mười hai quan”. Nhưng vì không nhớ mặt chữ, nên chữ “lập” viết ra chữ “huyền”, chữ “lái” viết ra chữ “lý”. Thế là định viết “Thâm tình lập lái” thì lại thành ra “Thâm tình huyền lý”, nghĩa là: “Hiểu sâu sẽ nhiệm mầu”.

Nhà sư nhìn bốn chữ tuy nét bút không phải rồng bay phượng múa, nhưng ý nghĩa thì thật sâu sắc, tấm tắc khen mãi:

– Văn từ hàm súc mà ý nghĩa lại rất hợp với cảnh chùa. Bản tăng lấy làm ái mộ lắm.

Hai người bạn đồng hành cũng hết sức khâm phục và tôn đũa Chung Nhi là Trạng. Còn Chung Nhi cũng khiêm nhiên tự cho mình là Trạng thật. Hôm ấy nhà sư lưu ba thầy trò ở lại thết đãi trọng thể, tất nhiên là ăn chay.

Ngâm vịnh thơ văn, luận bàn thi phú hết một đêm, Chung Nhi nhập tâm được nhiều lý lẽ cao siêu của nhà sư và hai bạn đồng hành. Sớm mai, ba người cáo từ lên đường, nhà sư đem oản chuối nhét đầy tay nải, gọi là có chút lễ mọn tiễn hành.

Chắc cũng là bởi quá xúc động vì cái câu: “Thâm tình lập lá” viết sai mà lại thành: “Hiếu sâu lễ nhiệm mầu” ấy. Thật là “Thâm tình huyền lý” vậy!

DỐT CHỮ... THÀNH THÂN

Hôm sau, ba người đi đến một làng kia, trời nhá nhem tối. Ba người bàn nhau vào trong làng tìm nhà trọ. Khi qua cổng làng họ thấy ở cổng đề ba chữ: “Thủ chư dự” nghĩa là: “lấy trong quẻ dự”, chữ ở Kinh Dịch. Chung Nhi thấy bạn đọc như thế lại lầm ra là “thủ trư” là “thủ lợn” nên bảo ngay:

— Tối nay, anh em ta được chén thủ lợn.

Thật ra là Chung Nhi dốt. Không những chỉ theo âm mà đoán mò, lại không biết cả ngữ pháp tiếng Hán. Thủ lợn thì phải là “trư thủ” chứ không phải “thủ trư”. Hai người kia đang cơn đói nghe thoáng qua là có người khoản đãi thì rất mừng.

Họ không ngờ là họ đang ở trọ nhà ông tiên chi, gặp ngày tế xuân, làng đem biếu ông ta cái thủ lợn. Nhân có khách, ông ta thủ lợn thết khách. Hai người kia đâm ra phục lẫn, nói với Chung Nhi:

— Bác có phép tiên tri hay sao? Thật quả chúng tôi được nhờ bác nhiều lắm.

Chiều hôm sau, ba người qua một làng khác, thấy đầu làng có biển đá khắc hai chữ “hạ mã” chữ Hán nghĩa là “xuống ngựa”. Do nhìn sót mấy nét, Chung Nhi lại đọc “hạ mã” thành ra “bất yên”, cũng là chữ Hán, rồi lại hiểu lầm là “chẳng lành” bèn khuyên hai bạn đồng hành: Làng này sắp có chuyện chẳng lành. Chúng ta nên đi qua làng khác rồi hãy nghĩ lại, an toàn hơn.

Hai người bạn mỉm cười không tin, nhưng nể Chung Nhi, cũng chiều theo. Ai ngờ vừa đi được một quãng thì nghe tiếng kêu la và trống mõ ầm ỉ. Thì ra làng đó đang có đám cháy lớn.

Từ đấy, hai ông bạn phục lẫn, cho rằng việc gì Chung Nhi cũng biết trước cả, giỏi như thần, gieo quẻ nào ứng nghiệm quẻ ấy.

LÀM THƠ

Buổi nọ, cả bọn đi qua một trang trại, từng cúc tốt tươi, trúc mai sẫm uất. Giữa cảnh ấy, Chung Nhi trông thấy một tiểu thư nhan sắc tuyệt vời đang cùng hai người thị tỳ hái hoa trong vườn. Chung Nhi ngắm nghía, mê mẩn tâm thần. Hiềm vì tường cao cổng kín, khó nổi tìm vào.

Đi một quãng, Chung Nhi bèn lập mẹo từ biệt hai người bạn kia, nói dối là phải vào thăm một người bà con ở gần đấy, nhân thể mời hai bạn cùng rẽ vào chơi.

Hai người kia đang lo về thi cử, vội vàng từ chối :

— Đường còn xa, nhật kỳ gần tới, quá vui lỡ bước, sau nữa làm sao. Thôi bác ở lại, chúng tôi đi trước.

Lúc chia tay, Chung Nhi dặn :

— Vậy thì xin mời nhị huynh trẩy kinh trước, mai kia đệ sẽ theo sau. Ngày hội ngộ hân cũng không xa.

Trở lại nơi trang trại, Chung Nhi hỏi thăm mới hay trại đó là của quan trí sĩ họ Bùi.

Bùi tướng công chỉ sinh được một gái, đặt tên là Phấn Khanh. Tiểu thư rất đoan trang, lại lâu

thông kinh sử và khéo léo trong mọi công việc tề gia, nên Bùi tướng công có ý kén rể hiền. Bữa ấy, tướng công đang ngủ trưa, chợt nằm mơ thấy có người gọi: “Tướng ông dậy! Đón Trạng rể mới lại chơi vườn”. Tỉnh giấc, lấy làm kỳ dị lắm, nghĩ bụng: “Xưa nay ta có người rể nào là Trạng mà mơ lạ thế? Hay ta thử ra xem sao”. Đúng lúc Chung Nhi đang nghiêng nghiêng ghé mắt dòm vào chỗ tiểu thư và đám thị tỳ đang hái hoa, chợt tướng công chống gậy ra thăm vườn. Trông thấy người lạ, tướng công liền sai gia nhân ra gọi vào hỏi:

– Thấy người đâu lại? Đứng đấy muốn hỏi gì?

Chung Nhi luống cuống, toát mồ hôi, ấp úng trả lời:

– Bẩm, tôi là học trò. Nhân thấy kinh qua đây, thấy cảnh đẹp, trộm đứng ngoạn cảnh, có điều gì sơ xuất, xin tướng công tha tội cho.

Tướng công thấy Chung Nhi ăn nói nhún nhường lại thấy mặt mũi khôi ngô, liền mời vào “Uyên ương đình” là nơi tướng công công dựng lên để kén rể hiền, rồi sai dọn rượu thết đãi.

Rượu ngà say, Chung Nhi nhìn “Uyên ương đình” thấy phong cảnh hữu tình, sực nhớ tới mấy bài thơ của hai người bạn đường làm khi văn cảnh chùa, bèn rung đùi ngâm lên. Bùi tướng ông nghe thơ hay, vui lắm, sai gọi tiểu thư lấy giấy hoa tiên

chép lại đề họa vắn. Thật là một cuộc gặp gỡ kỳ thú, trăm năm mới có một lần. Giữa cảnh trăng trong gió mát, người đẹp hoa thơm, Chung Nhi cảm thấy hân hoan trong lòng dạ. Thế là tay nâng chén, miệng ngâm thơ, tuy chỉ là thơ nhập tâm của người khác, song cũng bồi phần tâm đắc. Còn Phấn Khanh thì nâng bút họa lại, lời thơ cũng uyển chuyển, tỏ ra con nhà dòng dõi thi thư.



Họa xong, tướng công ướm hỏi Chung Nhi:

— Lão có tiện nữ đây, muốn cùng tuần si gá nghĩa sắt cầm, liệu có nên chăng, xin cho lão rõ?

Chung Nhi khiêm tốn trả lời:

— Ké hèn này được tướng công thương đến, dẫu dám chối từ. Hiềm vì khoa thi sắp tới, xin tướng công cho hẹn đến ngày ra榜. Nếu ké hèn này công thành danh toại, lúc đó sẽ trở về bái kiến tướng công, tưởng cũng không muộn.

Tướng công vui vẻ gật đầu, càng phục Chung Nhi là người có chí, không vì nhi nữ thường tình mà quên nghiệp lớn. Phấn Khanh cũng từ tốn thưa rằng:

– Dẫu năm chờ tháng đợi, thiếp mong chàng
bỏ quẻ vinh quy, sẽ được nương chờ dưới gối.

Thật là :

Một phen tri kỷ gặp người

Ba sinh chắc có duyên trời chi đây.

XEM BÓI

Chung Nhi đến kinh, mở một ngôi làng xem bói. Thế nào lại gặp hai ông bạn đồng hành khi trước vào nhờ xem một quẻ. Ba người gặp nhau vui mừng khôn xiết. Hai người bạn kia liền bảo Chung Nhi gieo cho một quẻ xem phận rông mây phen này thế nào. Chung Nhi khấn khứa, xem quẻ rồi đoán :

– Trong quẻ này thánh dạy: “Quần long vô chủ” tất kỳ thi năm nay hoàn.

Thì ra mấy hôm trước, có hai vị quan đến xem bói nói chuyện riêng với nhau để lộ ra. Chung Nhi nghe lỏm được nên mới dám đoán già như thế, hai người bạn, tuy biết tài Chung Nhi nhưng trong lòng thì chưa tin lắm. Còn những người xem bói khác thì hoàn toàn báo lão thầy bói nói láo. Khi sắp đến kỳ thi, quả nhiên có giấy niêm yết báo hoàn.

Ai nấy giết mình, cho là Chung Nhi là bậc tiên tri. Từ đó tiếng đồn gần xa, khắp kinh kỳ rủ nhau đến xem bói đông nghìn nghịt...

Một hôm, quan thượng thư bộ Binh lạc mất con thiên lý mã. Quan tiếc lắm, vì là con ngựa quý. Nghe đồn có thầy bói giỏi, quan sai cho gọi Chung Nhi vào dinh. Nằm trong dinh quan thượng, được cung đón đầy đủ mọi thứ, nhưng Chung Nhi lo lắng, ăn ngủ không ngon, ngủ không yên giấc trằn trọc suốt đêm, bụng luôn nghĩ đến chuyện mất ngựa. Bất giác, Chung Nhi nhớ đến mấy câu trong Tam tự kinh học hồi còn nhỏ, liền ngâm to lên cho khuây khỏa:

— Mã nguơ dương, thử lục súc, nhân sở tự...

Chẳng dè tên lính hầu trong dinh đúng là tên trộm ngựa. Khi mới nghe tin quan thượng mời Chung Nhi vào, hắn đã lo, nên ngày đêm lai vãng gần đó để nghe ngóng. Đêm hôm ấy, hắn chui xuống gầm giường Chung Nhi nằm, xem động tĩnh ra sao, đang hồi hộp đợi chờ, bỗng nghe thấy Chung Nhi đọc vanh vách nào là “mã” với “tự”. “Mã” là ngựa, còn “tự” thì đúng là tên hắn. Hắn sợ quá, cho là Chung Nhi đã hô đích danh mình rồi, bèn lóp ngóp bò ra khỏi gầm giường, vừa vái vừa kêu, xin khai hết sự thật, nhưng xin Chung Nhi đừng nói rõ tên với quan Thượng.



Chung Nhi được thế, thét bảo:

– Ủ. Mày lấy trộm ngựa ngày nào, giờ nào, bây giờ giấu ngựa ở đâu? Muốn sống khai ra ngay, không tao hô lên tất cả thì chết đến nơi bây giờ.

Tên ả trộm khai hết đầu đuôi. Hôm sau, Chung Nhi vào hầu quan Thượng, giả cách khăn khứa giec quẻ, rồi cứ lời tên trộm khai mà nói ra vanh vách. Quan cho người đến tận nơi, quả thấy ngựa quý, mừng lắm, thưởng cho Chung Nhi rất nhiều vàng bạc. Từ đó, tiếng tăm Chung Nhi càng lừng lẫy, ai ai cũng gọi là Trạng... bói.

QUÝT LÀM CAM CHỊU

Một hôm trong cung, công chúa mất đôi vòng ngọc. Đôi vòng này nguyên của vua Nhân Tôn khi bình xong nước Thủy Xa, vua Thủy Xá sai sứ đem triều cống. Đôi vòng có đặc tính ai đeo vào thì rơi xuống nước, không chìm, xông vào lửa, không cháy. Vua ban đôi vòng quý đó cho công chúa. Công chúa

ở trong cung cấm, canh phòng cẩn mật là thế, bỗng dựng đôi vòng không cánh mà bay.

Nghe đồn có Trạng Bóí, công chúa cho đòi Trạng vào cung gieo quẻ. Trạng bí quá, bèn nghĩ ra một kế hoãn binh, tâu rằng việc đó khó lắm, phải làm cho một cái lầu thật cao để xem thiên văn trong mười lăm ngày, mới có thể biết được.

Công chúa sai dựng lầu và cất hai tên lính thị vệ túc trực ngày đêm bên Trạng. Nằm tới mười ngày, Trạng thở dài sườn sượt, ngao ngán cho mình gặp bước khó khăn, nghĩ bụng nếu không tìm ra manh mối thì đến phải đâm đầu xuống lầu mà chết cho rảnh. Canh khuya, Trạng vẫn còn thao thức, tay phe phẩy quạt, nghĩ mãi không ra kế gì. Chợt Trạng phì cười, cho mình là cái thân tội, chưa biết chừng phen này vì đôi vòng mà mắc vạ lây, liền nói:

– Thật là quýt làm cam chịu!

Lúc bấy giờ đúng lượt tên thị vệ là Cam phải túc trực. Hắn vừa thò đầu lên thang, chợt nghe Trạng hô đích danh mình liền sụp xuống lạy, xin cung khai:

– Con cần cơm cần cỏ xin Trạng tha cho con. Việc này quả đúng là thằng Quýt nó chủ mưu, nay Trạng hô cả tên con vào đấy thì con chết mất.

Trạng cố nhin cười, quát:

– Ủ. Đã biết tội, Trạng tha cho, nhưng thằng Quýt ăn trộm đầu đuôi như thế nào. phải kể ra cho hết, giấu giếm ở đâu, phải khai cho thực.

Thấy Trạng nói tha mạng, thằng Cam mừng quá, kể mọi việc cho Trạng nghe. Hôm sau, đến trước công chúa, Trạng vẽ vờ gieo quẻ, rồi cứ theo lời thằng Cam mà nói thao thao như nước chảy.

Lấy lại được đôi vòng, công chúa mừng lắm. Từ đấy, Trạng càng nổi tiếng.

KẾT NGHĨA

Một hôm, có ba người học trò đi thi, nghe tiếng Trạng Bói, liền rủ nhau vào xem quẻ. Lúc nói chuyện mới biết ba người cùng có danh là Trạng cả. Một người ăn khỏe ghê gọi là Trạng Ăn, một người vật trâu, trâu ngã gọi là Trạng Vật, và một người cờ cao ngang Đế Thích gọi là Trạng Cờ.

Họ kết nghĩa anh em và đồng thanh tôn Trạng Bói là anh cả.

Bốn ông Trạng đang sống với nhau yên vui thì bỗng một đêm, vào khoảng canh ba, tự nhiên hoàng cung phát hỏa, lửa cháy rực trời. Quân nổi loạn kéo vào đánh phá kinh thành. Nhân dân ngoài

phố xôn xao náo động, kêu khóc như ri, kẻ chạy ngược chạy xuôi, hỗn loạn.



Bốn ông Trọng đang đi lang thang ngoài đường phố, thấy biến cũng vội vã dắt nhau chạy về phía cửa Đông. Lửa cháy chiếu sáng. Trọng Bối trong thấy một người mặc áo bào màu xanh từ trên thành nhảy xuống kêu cứu, liền ghé vai công người đó, chạy trốn. Gặp bọn mang binh khí cản lại vây đánh. Trọng Vật, Trọng Ăn, Trọng Cờ ra sức phá vòng vây cho Trọng Bối công vị áo xanh chạy tít về mạn chùa Thầy. Mấy ngày sau, binh hỏa nghe đã tạm yên, Trọng Bối cắt Trọng Vật và Trọng Ăn ở lại hộ giá, còn mình cùng Trọng Cờ trở về kinh thành dò la tin tức. Mới biết Nghi Dân chiếm vị, sát hại trung thần, may nhờ có Nguyễn Xí và Đinh Liệt chiêu binh mộ sĩ trừ được loạn Nghi Dân, rồi tâu với thứ hậu sai người đi tìm Hoàng đệ, nhưng tìm đâu cũng không thấy.

Trọng Bối nghĩ kế, dâng sớ xin thứ hậu cho vào gico quê. Thứ hậu mừng lắm, truyền gọi Trọng

vào. Trạng thấy có hai vị quan đứng đó, còn trừ trừ, thì thứ hậu đã nói:

– Nhị vị trung thần đây là những người một lòng vì nước trừ gian. Người cứ nói, không e ngại điều chi!

• Trạng liền tâu:

– Trong khi binh biến, chúng tôi đã nghênh tiếp điện hạ đến chùa Thầy, xin thứ hậu cho người tới đón.

Thứ hậu mừng lắm, vội sai quan đi đón Hoàng đệ về, rồi lập đàn lên ngôi vua lấy hiệu là Thánh Tông. Vua Thánh Tông phong thưởng cho hết thầy công thần. Duy có Chung Nhi, vua phong gì cũng không nhận, chỉ một mực tâu rằng:

– Muôn tâu thánh thượng, quan sang chức trọng, xin để phong cho những người có công lớn, kẻ hạ thần chỉ xin thánh thượng ban cho hai chữ Trạng nguyên để hạ thần vinh quy là đủ.

Vua Thánh Tông vui lòng giáng chỉ phong Chung Nhi là Trạng nguyên, ra vào châu chực dưới bệ rồng. Có một ông quan văn quỳ tâu:

– Muôn tâu Thánh thượng! Chúc vị Trạng nguyên là dành cho bậc văn tài, còn kẻ có công thì thưởng vàng bạc vóc nhiễu hay phong quan tước là

cùng, lẽ nào lại phong Trạng nguyên cho kẻ không hiểu việc văn từ.

Vua Thánh Tông bác đi.

Giữa lúc đó, theo lệnh vua, chùa Thầy đã được tu sửa xong. Vua ngự giá đến chùa làm lễ tạ thần Phật.

Lúc treo chuông trên gác, chuông nặng quá, không sao treo nổi. Chung Nhi liền cho Trạng Vật và Trạng Ấn vào giúp một tay mới treo được. Vua thấy vậy bèn đọc một câu: “Thiên lý trọng kim chung” và bảo các quan đối lại. Ai nấy đứng đực như phỗng. Không nghĩ ra, Chung Nhi nhớ tới câu của Phấn Khanh khi trước, vội đọc ngay: “Bát đao phân mẽ phấn”.

Vua khen nức nở và bảo các quan:

— Ứng đối như mây bay nước chảy, tài ấy thật đáng Trạng nguyên.

Sau khi hồi giá xong, Vua xuống chiếu phong cho Chung Nhi ba chữ “Chân Trạng nguyên”, ban cờ biển cho Trạng vinh qui bái tổ. Lúc lễ vinh qui ngang qua trại Bùi tướng công. Trạng đứng lại vào thăm nhạc phụ. Bùi tướng công vui mừng khôn xiết truyền mở tiệc hoa đón tiếp rể hiền. Trạng lưu lại làm lễ thành hôn cùng Phấn Khanh rồi về làng.

làm lễ bái yết tổ tiên. Trạng lại cho mở tiệc linh đình khao bà con, làng xóm.

Mẹ Trạng khi đó đã đầu bạc răng long, thấy con và dâu thì rất đổi vui mừng. Anh và chị dâu cũng không nén được xúc động khi thấy em làm rạng rỡ cho tổ tiên như cha còn sống hằng mong ước...

Trạng cùng nàng Phấn Khanh ở quê nhà vài tháng, rồi tạ từ mẹ và anh chị lai kinh. Khi qua trang trại Bùi tướng công, hai vợ chồng vào thăm. Chưa được một ngày thì nhận được chiếu chỉ vai sai đi dẹp giặc.

Trạng biết ngay cơ sự, thưa với nhạc phụ:



– Việc này lo âm mưu của thái sư họ Dương, bởi vì trước lão ép gả con gái cho tiểu tể không được, nay thấy sánh duyên cùng lệnh ái nên để tâm thù. Nhân có giặc đang thả voi trận quấy rối miền biên cương vùng Thanh–Nghệ, lão muốn đẩy tiểu tể đến nơi nguy hiểm. Nhưng xin nhạc phụ chớ lo.

Hôm sau, Trạng cùng vợ rong ruổi lai kinh, Vua ban cho Trạng cờ biển mà dặn rằng:

– Khanh đi kinh lược vùng Thanh–Nghệ, Trẫm trao cho chức “Tiết chế quân vụ”. Trong hàng quân, kẻ nào trái lệnh, khanh được phép “tiền trăm hậu tấu”.

Trạng cho mời Trạng Cờ, Trạng Vật, Trạng Ăn đến bàn kế chống giặc. Xong đâu đấy, phong Trạng Vật làm tướng tiên phong, Trạng Cờ đốc thúc thủy bộ. Trạng Ăn coi việc đường bộ và binh lương. Nàng Phấn Khanh cũng cương quyết lĩnh ấn đeo gươm theo chồng đi dẹp giặc.

Tới Thanh–Nghệ, phân thành cơ đội rồi đóng trại quanh núi. Thăm tử về báo: “Giặc đóng tại Bồ Chính, Quy Hóa trở vào, đông như kiến cỏ, thá voi phá hoại mùa màng, quấy nhiễu nhân dân, mà địa thế lại rất hiểm trở”.

Trạng Vật nói:

– Làm trai có chí lập công lớn thì dầu nguy hiểm bao nhiêu cũng không quản. Ta quyết đem thùng xỏ chúng lòi về.

Trạng mừng lắm, giao cho Trạng Vật ba nghìn quân tiên phong, gặp rừng mở lối, gặp suối bắt cầu. Buổi trưa, Trạng Vật vừa cho cắm trại, thì thình lình quân giặc kéo đến vây đông vô kể. Chúng

dùng tên bắn như mưa và thả voi xông bừa vào. Một mình Trọng Vật cùng quân lính chống đỡ tới chiều vẫn không sao phá được vòng vây. May sao có Trọng Cờ và Trọng Ân thúc quân tới kịp, cùng hiệp lực mới thu được quân về. Thấy tổn thất bốn trăm người, Trọng than rằng:

– Thế giặc mạnh lắm, biết làm cách nào trừ cho được?

Phấn Khanh thấy chồng bắn khoản lo lắng suốt ngày đêm, bèn hiến kế:

– Giặc mạnh vì được lợi thế rừng núi hiểm trở và có nhiều voi ngựa hung dữ. Nhưng chúng vốn ngu dại và tham lam. Nay ta thả trâu bò, giặc tất kéo tới cướp. Ta mai phục bốn mặt, dùng móc sắt câu liêm xông ra móc vòi voi, lấy búa sắt bổ vào đầu và mắt. Như thế chúng thất bại.

Trọng sai bốn đạo quân theo kế thi hành. Quả nhiên, giặc thua to, từ đấy cứ lẩn lút trong rừng sâu. Nhưng hễ quân Trọng xông vào là chúng bắn tên ra như mưa, không tiến lên được.

Trọng nóng ruột, hỏi kế Phấn Khanh. Nàng bày:

– Giặc thủ thế, ta khiêu chiến, chúng cũng không ra. Tính ra ba tháng nữa, ta hết lương ăn,

tất nguy với chúng. Nay ta sai quân, ngày thì ra công trồng ngô, trồng đậu, đêm thì lên đảo hầm hổ, trên đàn phên giấy có lấp kín. Đợi mùa ngô đậu có quả, ta vờ lui binh. Giặc tham, tất cho quân ra cướp. Lúc đó, ta phóng hỏa đánh vào, voi tất sa xuống hầm hổ, và giặc xéo lên nhau mà chạy.



Kể đó lập tức được Trạng cho thi hành. Khi ngô ra bắp, đậu ra quả thì Trạng hạ lệnh lui quân. Đến đêm, Trạng ngầm sai quân lính đổ nhựa thông vào những dòng cùi khô chắt sẵn và cho quân mai phục. Quả nhiên, đầu canh năm, giặc kéo ra cướp ngô đậu. Trạng Vặt lập tức nổi hiệu phóng hỏa từ phía, rồi bắn tên vào như mưa. Voi ngựa xô nhau ra hổ gần hết, còn binh tướng giặc bỏ chạy tán loạn, giầy xéo lên nhau mà chết.

Trạng dẫn quân vào trận tiền, bắt sống được tướng giặc, đóng cùi giải về triều.

Khi đem tướng giặc ra tra hỏi, mới hay là chính viên thái sử đã ngầm tư thông với giặc, xui chúng đem quân xâm lược đất đai vùng Thanh—Nghệ, rồi

tâu vua sai Trạng đi dẹp giặc, định nhờ tay giặc trừ khử Trạng để báo thù việc Trạng không lấy con gái lão.

Vua dùng dùng nổi giận, ra lệnh đem tên tướng giặc ra chém trước cửa thành rồi lập tức nghị triều xét tội Dương thái sư. Dương thái sư bị kết tội phải tịch thu toàn bộ gia sản bao gồm nhiều vật quý và bản thân thì bị tống giam vào ngục tội.

ĐÁNH CỜ VỚI SỨ TÀU

Vua Tàu sai sứ sang Việt Nam để phong vương cho vua Thánh Tông, nhưng lại còn muốn thử xem nhà vua có đáng vì thiên tử hay không? Một hôm, sứ Tàu mời nhà vua đánh cờ. Nhà vua lo lắng, mới gọi Trạng vào hỏi kế, Trạng tâu:

— Bệ hạ cứ cho bày bàn cờ giữa sân rộng rồi sai Trạng Cờ ăn mặc giả làm lính che lọng đứng hầu. Trên lọng dùi thủng một lỗ. Hễ Trạng Cờ xoay lọng ánh nắng chiếu vào chỗ nào thì bệ hạ cứ nhắc quân đi vào chỗ đó.

Vua khen phải, sai lập bàn cờ. Quả nhiên, chỉ một lúc sau, sứ Tàu bị dồn vào thế bí và chịu thua.

THỨ GỖ

Hôm sau, sứ Tàu lấy một cây gỗ lớn, ngâm sai người bào nhẵn hai đầu như nhau, rồi đổ vua biết đầu nào gốc, đầu nào ngọn.

Vua hỏi Trạng, Trạng tâu:

– Bệ hạ chớ lo. Hạ thần đã có cách.

Đêm đến, Trạng sai mấy người ra phóng uest bừa bãi vào cây gỗ. Sáng, Trạng kêu âm lên là bắn, bắt lính khiêng gỗ ra sông rửa, dặn hễ thả gỗ xuống, thấy đầu nào chìm hơn thì đánh dấu vào. Thế là nhà vua cứ ung dung chỉ vào đầu có dấu mà bảo đó là gốc.

ĐI SỨ SANG TÀU

Khi khắp nơi đã thần phục, biên giới yên bình, nhà vua sang sứ Tàu để củng cố sự giao hảo.

Lần này, Vua cử Trạng làm chánh sứ để tạ ơn vua Tàu đã phong vương cho mình. Trạng nghĩ bụng: “Nước Tàu là nước văn hiến, mà mình thì chữ nghĩa không nhiều, không hay. Ấu là ta xin vua cho cả Trạng Ăn, Trạng Vật, Trạng Cờ cùng đi theo hỗ trợ.



Vua chuẩn y, cất ba Trạng cùng đi theo. Tối ải Nam Quan, lính canh Tàu không chịu mở cửa. Một chốc, họ đem ra một cái biển trên viết chữ “Thập”, rồi lấy tay chỉ Đông, chỉ Tây. Trạng bực mình, quay lại bảo viên phó sứ:

– Nó muốn dọc, muốn ngang, thì ta khoan một cái vòng tròn cho nó hết đường dọc ngang.

Nói xong, Trạng sai khoan một vòng lớn vào biển rồi giơ ra. Quan coi ải giật mình, nghĩ bụng: “Ta viết chữ “Thập” là muốn nói “Tung hoành vũ trụ”, thế mà sứ An Nam biết, đổi lại là “Bao quát càn khôn” thì tài thật”. Viên quan đó đành ra lệnh cho mở cửa ải, để sứ bộ nước ta vào.

Qua cửa ải rồi, sang đến đường đất người, Trạng thấy phong cảnh lạ, trong lòng lấy làm thích thú.

Chợt đi đến quảng đồng, thấy có một người con gái đang vạch quần dái, Trạng chỉ tay nói đùa với phó sứ rằng:

– Kia! Quan lớn xem: “Nong tay dí bẹn do hăm hăm”.

Nói xong, cùng cười ầm cả lên. Lệ đi sứ, hễ ông chánh nói câu gì, thời ông phó phải ghi câu ấy. Trạng nói nôm, ông phó theo tiếng mà ghi, bằng chữ Hán, đọc chệch ra là: “Đông Tây chí Biện đồ hân hân”, nghĩa là người miền Đông, người miền Tây đi đến Biện thấy (quang cảnh) rất vui vẻ. (Đất Biện tức Biện Kinh, kinh đô Trung Hoa thời nhà Tống).

Khi đi qua đất Biện Kinh, quan sở tại thấy sứ đến, ra nghênh tiếp, có ý muốn lấy chữ nghĩa ra để thử sứ, bèn ra một câu đối rằng: “Nam Bắc lui triều dạ tế tề” nghĩa là: “Người phương Nam, người phương Bắc đến triều rất rầm rộ.

Vừa đọc khỏi miệng, Trạng ngoảnh lại bảo ông phó sứ rằng: “Kìa! Câu hóm nọ đâu, ngài đem ra đối đi?”. Ông phó sứ cứ sẵn thế đưa ra, thời quả nhiên thực là một câu đối khá chình. Quan Tàu thấy thế, phục sứ An Nam thần thông, có tài hiển biết rộng, trọng bụng kính phục lắm, khoản đãi rất trọng hậu.

Sang đến Yên Kinh, vào yết kiến vua Tàu. Vua Tàu muốn thử sứ, ngầm sai một người trang hoàng một chỗ trong cung quán rất lịch sự, để hai chữ “Kính thiên” treo gian giữa, đặt một đôi sập thất bao rất cao, xung canh bày nghi vệ sang trọng lắm, như là một chỗ giường ngự của thiên tử, để xem

Trạng có dám ngồi hay không. Khi sắp dãi yếm, họ đưa Trạng và phó Trạng đi xem khắp các nơi rồi mới đưa đến đây. Trạng tưởng chỗ ấy là để khoả dãi mình, leo phất lên ngói. Ông phó ngựa lên thấy hai chữ “Kính thiên” liếc mắt trông lên, khẽ trở tay lên bảo. Trạng mới ngựa lên nhìn, rồi thủng thỉnh bảo phó sứ rằng:

– Đó chẳng phải là chỗ đợi chúng ta ngồi là gì? Ngài cứ lên đây.

Ông phó sứ chưa hiểu thế nào, cũng cứ lên ngó những vắn có ý nhút nhát, mà Trạng cứ nói cười thung dung. Có một quan Tàu bước ra, chỉ tay lên đây, hặc rằng:

– Cớ sao sứ An Nam lại ngạo ngược vô lễ như vậy? Không trông lên các chữ trên kia để xem chỗ này là chỗ thế nào, mà dám nhảy lên ngói chễm chệ ở đây là nghĩa làm sao?

Trạng nói:

– Thưa, đại thần lấy tội gì mà cho hạ quan là ngạo. Hạ quan thấy biển đề rõ là ba chữ “kính nhị nhân”. Thực là bản ý thượng quốc muốn đem cái ngói này để hậu dãi sứ thần xa lạ, chứ không phải lỗi tiểu sứ. Và nghe cổ nhân có nói: Đãi người phương xa cốt lấy bụng thực. Tôi nghe thánh triều lấy thành tín đãi người ngoại quốc. Thế mà người phương xa tới, mà đem cái bụng trí thuật làm oai.

Tôi sợ người ta nghe tiếng dẫu có thật lòng ngưỡng mộ, cũng sinh bụng nghi mà không lại nữa.

Quan Tàu thấy Trạng nói chề hoe như là đa biết gan ruột họ rồi, vội vàng đáp lại rằng:

– Thôi, xin quý sứ xá lỗi, xá lỗi! Nghĩ là buổi mới, thử xem có phải là bậc tài giỏi không mà thôi. Nhưng mà quý sứ là bậc thông minh thực. Đã giỏi, mà còn biết trước được như thế, thì có hề gì.

Một lát sau có người bưng hai cỗ xôi, hai con lợn ra đặt ở giường chánh sứ và ở giường phó sứ, rồi truyền chỉ thiên triều ban yến. Hai người đều mặc triều phục, bái mạng xong, ngồi lên ăn. Nguyên con lợn là một cỗ toàn đồ ăn, còn cỗ xôi, đều là lấy bột đắp giả làm hình, gồm những đồ trân cam, mỹ vị ở trong. Trạng tưởng là con lợn với cỗ xôi thực, cầm dao ra cắt ngay cái thủ trước, rồi rạch ra làm đôi, lại pha ra làm tư, lật ra thấy bên trong thức nào, thức ấy lấm mùi vị lạ lùng. Trạng lại lấy dao cắt nhỏ rồi mới ăn. Còn cỗ xôi, Trạng để lui lại, dùng về sau.

Các quan Tàu khen sứ An Nam ăn uống như thế mới thực là phải phép. Rõ



ràng là: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng biến hóa vô cùng”!

Ông phó sứ vốn là người có tiếng ăn khỏe. Tiệc yến hôm ấy có đông mặt những quan Tàu, ông lại khỏe sức ra oai ăn như vũ bão, chỉ một lát hai cổ hết tận, không còn chừa một tí nào.

Các quan Tàu thấy thế lắc đầu lè lưỡi, xì xỏ bảo nhau rằng: “Bậc ấy không biết trong bụng chứa chất như thế nào?”, nên gọi là “Thực Trạng nguyên” tức là “Trạng nguyên Ăn”.

Một hôm, Vua Tàu hội các sứ ngoại quốc ở vườn Ngự chơi hoa, ban yến. Vua Tàu đi trước, các sứ tùy giá theo sau. Đến một chỗ, dưới có cái hồ thả sen, trên trồng các thứ hoa lạ, cảnh vật thanh tú, giữa có cái đình, bên trong treo một bức ngự thư đề hai chữ “Trùng nhĩ”. Vua Tàu hỏi các sứ nước có hiểu là thế nào không? Các sứ còn đang nghi chưa biết tàu là gì, Trạng tự nhiên tàu rằng:

– Rộng thánh hoàng muôn tuổi, đây thực là phong nguyệt vô biên.

Vua Tàu thấy Trạng ứng đối nhanh nhẹn và hiểu được hai chữ ấy, khen mãi, phán rằng:

– Sứ An Nam thực là thông minh có một, đáng tài Trạng.

Xét Vua Tàu viết hai chữ “trùng nhĩ”, vốn lấy nghĩa là: chữ “phong” và chữ “nguyệt” không có bên ngoài thì thành ra chữ “phong nguyệt vô biên”. Trạng không biết ý sâu xa như vậy, chỉ vì đang lúc bấy giờ thấy phong cảnh mát mẻ, nhớ đến chữ “phong nguyệt vô biên” ở chùa khi trước. (háng qua tàu lên để tụng mà thôi, nào biết đâu lại trùng!

Năm sau, trời làm hạn hán to, nhân có sứ các nước cùng đến triều cống, vua Tàu nhờ các sứ nước lập đàn cầu đảo. Trạng bèn làm ra vẻ khiêm tốn nhường sức các nước làm lễ cầu đảo trước. Sứ các nước thay nhau cầu đảo mà trời vẫn không mưa.

Trong lúc đó, Trạng lần ra vườn xem có gà, rề si, vì theo kinh nghiệm của nhà nông ta, khi nào có gà lốm đốm trắng, rề si nhú ra là trời sắp mưa. Hôm thấy có gà lốm đốm trắng, rề si nhú mầm. Trạng liền xin vua Tàu cho mình vào lễ cầu đảo. Trạng bắt một cái chòi cao mười trượng, quanh chòi bày la liệt nào là ngũ phương, bát quái, lục giáp, lục đinh... trông thật oai nghiêm, bí hiểm.

Đàn lập xong, Trạng rũ tóc, chống kiếm, bước lên chòi, bắt quyết, rồi đọc một tràng phù chú, nào là “mộc tinh”, “thâm tinh”, “mục tinh”, “khương tinh”, “kẹo tinh”... nghe rất lạ tai, rất những câu nói lái, nói lóng của hàng thịt bấy lâu cóp nhặt được, đọc ra vanh vách cho hết. Cuối cùng, phù chú đã xong



mà trời chưa vãn vũ chuyển gió, Trạng làm tiếp ngay một lèo “tinh tinh tinh tinh” nghe ú ớ như lời phù thủy hô phong hoán vũ, để chờ thời. Vừa may, gió chuyển bốn bề, trời tối sầm lại, Trạng “thôi niệm chú”, tay cầm bát nước vẩy khắp bốn phương. Quả nhiên, mây đen đen ùn ùn kéo tới, một trận mưa như trút nước đổ xuống, sấm chớp sáng lóc.

Vua Tàu và sư thần các nước đều bái phục, báo với nhau:

— Sư An Nam quá là bậc phi thường, chẳng những giỏi về từ chương mà lại có tài hô phong hoán vũ nữa. Bao nhiêu tinh tú trên trời đều thuộc lòng. Gia Cát Lượng ngày xưa cũng chỉ giỏi đến thế là cùng!

Vua Tàu thấy Trạng tài giỏi quá, liền lưu Trạng ở lại dạy hoàng tử. Trạng phần nhớ nhà, nhớ nước, phần sợ dạy học sẽ lòi cái dốt ra, nên một mực xin về nước. Nhưng Vua Tàu ép mãi, Trạng bất đắc dĩ phải vâng mệnh ở lại. Tuy vậy, Trạng đã lập mẹo sẵn, liền tâu vua:

– Học muốn chóng thành tài thì thứ nhất phải nghiêm, thứ hai tâm phải tĩnh!

Vua Tàu cho là phải.

Trạng xin vua làm một tòa lầu rất cao để hoàng tử học cho tĩnh. Vua bằng lòng. Ngày khai tâm, hoàng tử leo lên lầu thụ giáo. Xưa nay vốn ở cung cấm, không quen leo trèo, nên hoàng tử leo lên được nửa lầu thì đã mệt bỏ hơi tai, chỉ đứng thờ đốc, quên cả chào thầy. Trạng liền lập uy nổi giận, quát to:

– “Tiên học lễ, nhi hậu học văn”. Vô lễ như thế thì còn học hành gì.

Rồi cầm roi vụt cho hoàng tử một trận nên thân. Hoàng tử bị đánh đau quá, lúc được tha, lại quên cả lễ tạ thầy. Trạng liền quát cho thêm một trận nữa. Quan hầu cận đi theo hoàng tử, sợ xanh mặt, vội vàng sụp xuống lạy Trạng, xin tha cho hoàng tử. Lúc đó Trạng mới thôi.

Từ đó, Trạng chỉ dạy toàn những phép tắc đứng ngồi, chào thưa, xét nét từng ly từng tí. Hoàng tử sợ đòn, về mách với hoàng hậu. Hoàng hậu thương con, nên tâu với vua:

– Sứ An Nam xa xứ đã lâu, ý chừng nhớ nhà, nhớ nước, nên tính tình đâm ra nóng nảy, không

yên tâm dạy học. Chỉ bằng vua cho về quách đi là hơn. Nếu cứ giữ lại, thì e rằng con ta sẽ ốm đòn mắt!

Hôm sau, Vua phải giảng chỉ cho Trạng về nước.

ĐOẠN KẾT

Đoàn sứ bộ sang Tàu thắng lợi trở về. Trạng vào chầu vua. Vua mừng lắm bởi biết đi xa đường đất, gian khổ ở xứ người bao lâu mới cùng nhau tương phùng. Vua đích thân bước xuống thêm, âu yếm cầm tay Trạng giải bày những nỗi nhớ niềm mong và hỏi Trạng những sự việc đã xảy ra trong thời gian làm nhiệm vụ ở Trung Quốc. Trạng cúi đầu, quý tâu cặn kẽ mọi điều, khi đối đáp, lúc phải thỏa hiệp nhưng nói chung mọi việc đều ổn thỏa cả.

Vua nghe tâu, khen rằng:

– Người như thế thực là ông Mạc Đình Chi của trẫm.

Ngày hôm ấy vua ban yến, cho tấu nhạc vui vẻ suốt ngày.

Hai năm sau, Trạng đúng tuổi sáu mươi, bèn xin vua xin về trí sĩ. Vua thấy Trạng có công với xã tắc nhiều lắm, gia phong làm Thượng quốc công,



lại cấp đất tốt cho lập ấp, phong tặng phụ mẫu, gia phong Phấn Khanh làm Nhất phẩm phu nhân. Các con đều được tập ấm. Một nhà vinh hiển.

Một hôm thông thả, Trạng cùng với phu nhân ngồi đàm đạo. Nhắc lại chuyện cũ, phu nhân mới nói rằng:

– Nhà ta bây giờ kể ra ơn nước đã nhiều, chỉ hiềm con còn thơ dại, ít học hành. Còn chàng thì lúc nào cũng bận rộn xuất chinh, đi sứ... Thiếp chưa chăm lo, dạy bảo chúng được bao nhiêu... Nay nhờ thánh triều được công thành danh toại, cũng nên nghĩ lại trọng xuống đàn con. Kéo mà chúng nó ngu dốt thì thiên hạ lại cười con nhà thất giáo.

Trạng nghe đến chuyện dạy học thì nói lảng đi:

– Quả là phu nhân nói chí phải. Cha mẹ thương con thì chỉ cho bằng dạy bảo chúng học hành. Thế nhưng như tôi đây, vì công việc chung mà thành biếng nhác việc kinh sử. Bây giờ về già rồi có rảnh rang cũng quá là mệt mỏi, chỉ mong được ngao du sơn thủy, bầu bạn với nước non, trăng thanh gió

mát... Cũng còn may, việc học hành của các con hẳn là phu nhân sẽ gánh vác chu đáo. Đó cũng là việc rất tốt cho gia đình mình.

Vậy là, kể từ hôm đó, Trọng chỉ ngày ngày đàn sáo, ca hát và dong thuyền đi chơi những nơi non xanh nước biếc, hết bờ nọ bến kia để xem phong cảnh.

Một đêm kia, trăng soi sáng tỏ khắp nơi, Trọng đang ngồi cạnh mạn thuyền, bỗng trông thấy giữa sông có một bãi cát, ở trên bãi lại có dựng một ngôi miếu nhỏ, phong cảnh rất u tịch, liền hỏi người lái dò:

– Đây là chỗ nào?

Người lái dò thưa:

– Bẩm, đây là bến Tự Nhiên. Khi xưa ông Chử Đồng Tử hóa tiên ở đó. Bãi này là di tích của Ngài.

Còn đang ngẫm nghĩ, bỗng thấy ông cụ xuất hiện trên một chiếc thuyền đến hỏi Trọng rằng:

– Có phải Dương Đình Chung đó hay không? Lâu nay đã thỏa chí hay chưa? Lão cho mượn sách từ khi ấy đến giờ mà bây giờ đã được vinh hiển rồi, thời các phép của lão hãy đem trả lão!

Trọng thấy gọi tên mình, vội vàng nhìn xem, thì ra ông cụ dạy mình bói khi trước. Trọng toan cất lời lên; chưa kịp hỏi đã thấy ông cụ quay thuyền đi.

Gọi với ông cụ lên thuyền nói chuyện, thế nào cũng không thấy cụ lại, Trọng bắt lái thuyền cố chèo cho kịp thuyền cụ. Xa xa, thấy bóng cụ ghé thuyền lên bãi rồi biến mất, Trọng cũng lên bãi, tìm khắp cả không thấy dấu vết gì, Trọng ngán ngoso than thở, rồi vào miếu lễ tạ. Xuống thuyền trở về, Trọng vào tâu chuyện với vua. Vua lấy làm kinh dị lắm, ban cho Trọng tiền để sửa sang đền miếu ông Đồng Tử, Trọng phụng chỉ việc sửa sang xong. Tháng tám năm ấy, Trọng tâu gọi vào triều. về nhà tự nhiên không có bệnh gì mà mất. Sống lâu bảy mươi hai tuổi, ứng với bảy mươi hai lần được người dương thế cho quà ở cái gò đất đầu làng, khi Trọng còn là cậu bé ẩn hiện bất ngờ mỗi lần ông Lương, thân sinh Trọng sau này đi chợ về qua. Trong một lần, ông Lương có hỏi cậu bé sau này đầu thai làm con trai gia đình ông:

– Thế thời con ở với thầy bao lâu?

– Thầy cho con bao nhiêu lần quà, thời con xin ở với thầy đúng bấy nhiêu năm.

Ông tính đưa cả thầy bảy mươi hai lần. Như thế là Trọng Lợn giữ đúng chữ tín với người đời, không chậm một ngày. Chuyện của Trọng đã được huyền thoại hóa không biết thực chỗ nào, hư chỗ nào, điều chắc chắn là sẽ còn sống mãi trong tâm thức dân gian.

TRUYỆN MÂN NHỤY

Ông là người Nghệ Tĩnh, có biệt tài “nói trợn” nên được dân chúng yêu quý nhưng bọn cường hào quan lại thì ghét cay ghét đắng. Sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ mười chín, Mân Nhụy cũng từng đi thi và bị... rớt! Phải chăng chính vì nhìn thấy những thói nát của xã hội lúc ấy, giai thoại về ông thường chia mũi dùi vào bọn tham quan ô lại?

CHỮA BỆNH OAN GIA

Trong một chuyến đi từ Diễn Châu lên vùng Đồ Lương, dọc đường nghỉ chân, ông gặp một đám tang. Người địa phương kể cho ông biết người chết là một tên cường hào, chuyên nghề khoét nặn, vừa mới dùng quyền hành và mưu mô cướp đoạt mấy mẫu ruộng của người trong làng thì lăn đùng ra chết. Mân Nhụy hỏi họ tên, con cái hoàn cảnh, bệnh tình của chủ nhân, rồi ngay đêm ấy, tại nhà trọ, ông mang giấy bút ra, thảo một bài văn ai thống thiết.

Sáng hôm sau, đầu quần khăn tang, ông đến nhà tên cường hào kia. Không đợi cho người nhà hỏi han, ông đứng ngay trước bàn thờ, bái mấy bái, rồi giở bài văn ra đọc. Mọi người đứng quanh đều xúc động vì lời lẽ rất thống thiết.



Đọc văn xong, ông ngã khuỵu xuống chiếu. Tang chủ vội vàng điu ông ra. Cố nhiên họ không nhận ra ông là ai. Ông làm họ thân nhiên gọi đúng tên anh chàng con trưởng ra trách:

– Anh không biết. Tôi với ông bố anh là bạn cố hữu. Mới rồi, tôi với ông nhà anh còn trò chuyện, khi gặp nhau ở trên tỉnh.

Tiếp đó, ông kể lể thêm một số chuyện vắn vỏi nghe bà con địa phương kể đêm qua. Cả nhà đều tin thực ông là bạn thân người quá cố.

Thừa dịp vắng người, ông mới gọi riêng hai mẹ con anh chàng con trưởng đến nói chuyện thân mật:

– Tôi nói thật cho bác và cháu rõ. Bác trai mà bị bất hạnh thế này là tại bác ấy không biết

nghe tôi. Đạo trước, bác trai gặp tôi trên tỉnh, có hỏi tôi về chuyện định tậu mấy mẫu ruộng ở nơi ấy, nơi ấy, vậy đã tậu được chưa?

Mọi người càng tin ông là bạn thiết cốt của chồng, của cha mình. Chuyện mưu mô kín đáo này thì làng xóm mấy ai hay, mà ông này lại biết được. Họ nhận là đã được làm chủ đám ruộng ấy rồi. Mân Nhụy chép miệng:

— Thế thì nguy đấy! Không phải nguy một lúc, mà suốt ba năm, sẽ mất luôn ba mạng! Tôi thì không có thì giờ ở lại, nhà ta cũng đang bối rồi thế này. Bác và cháu nên để ít hôm nữa, lên xem lại đất, nếu không hợp thì cho người ta chuộc đi, chứ không còn là nạn cho nhà ta nữa đấy...

Mấy ngày sau khi Mân Nhụy cấp áo đi, mẹ con nhà này lập tức đi tìm người chủ cũ, thương lượng để hoàn lại ruộng.

TÌM VỢ CHO QUAN PHỦ

Có viên quan phủ chết vợ, muốn lấy vợ kế. Dựa tình quen biết, quan nhờ Mân Nhụy giới thiệu cho một người. Mân Nhụy nhận lời và mời quan ngày hôm sau ra chợ xem mặt. Ra đến nơi, ông

bảo quan đứng xa quan sát, còn ông thì vào trò chuyện với một cô hàng vải rất thân mật.

Trên đường về, quan phủ công nhận với Mân Nhụy rằng quả tình cô gái này thật là “sắc nước hương trời”, trông bộ dạng nói năng thì cũng thanh lịch. Quan hỏi ngay tên họ tuổi tác và nhà ở của cô ta. Mân Nhụy giới thiệu rất rành mạch...

Ba hôm sau, Mân Nhụy lại gặp quan. Quan cau mặt bực bội nói với ông:

– Sao ông lại cho tôi coi mặt cái cô ấy?

– Sao ạ?

– Tôi đã cho gia nhân đến nhà thăm hỏi tình hình, thì gặp lúc cô ta cho con bú.

Quan phủ đáp:

– Vâng. Thì cô ta đã có con, chồng cô ta vẫn ở nhà chứ sao?

– Thế thì cô ta thế nào được?

– Bẩm quan, việc lấy hay không là quyền quan lớn chứ ạ. Quan lớn chỉ bảo tôi kiếm cho quan lớn “người đẹp”. Tôi cho cô ấy là đẹp nhất ở vùng này. Quan cũng bảo là “sắc nước hương trời” kia mà!

Quan phủ bây giờ mới chưng hửng ra.

AI THƯA CƯỢC?

Một lý trưởng, bạn thân của Mân Nhụy, thường tự phụ là có vợ đẹp và rất đoan trang. Ông bảo:

– Anh con trai nào chỉ cần sờ vào vú bà xã tôi một lần, thì tôi cho hẳn một sào ruộng và một con bò.

Mân Nhụy cười bảo ông:

– Chắc chắn như thế không? Sau này ông không được chối nhé!

– Chắc chứ! Quân tử nhất ngôn mà!

Chiều hôm sau, Mân Nhụy đến nhà ông lý cả hai vợ chồng ông đều ở nhà. Ông lý đi rót nước. Bà lý ngồi trên phản kê bên, vạch vú cho con bú.

Mân Nhụy đến gần. Ông móc túi lấy hai quả mận đỏ giơ trước mặt cháu bé:

– Đây! Đây! Của cháu đây!

Đứa bé toét miệng cười, nhả vú ra, giơ tay cầm mận. Mân Nhụy úp cả hai tay mình vào vú bà lý, nói đùa với em bé:

– Còn đây là của chú!

Đứa bé vẫn cười toe toét, lại gật đầu nữa. Bà lý then dò mặt. Mân Nhụy cười ha hả, dền vỗ vai ông lý:

– Mai tôi đến dắt bò nhé. Còn ruộng, ông cho thửa nào cũng được, tùy ông chọn lấy.

TRUYỆN PHỦ TUẤN

Khác với Mân Nhụy, ông đồ đặc và ra làm quan dưới triều Tự Đức, thế nhưng những giai thoại dân gian mà nhân dân các tỉnh miền Trung còn truyền tụng chứng tỏ ông là người cương trực, có tính hài hước và biết lấy đó để răn đời. Truyện về ông mang đậm nét trào lộng của người miền Trung như cách nói lái, chơi chữ...

CHỮ THỜ... TÁO!!

Vùng miền Trung ngày xưa, người dân có tục thờ chữ. Nghĩa là thờ các câu chữ nho đẹp, do những người hay chữ và có hoa tay viết ra. Người học chữ nho, gọi học trò là “thầy khóa”. Khi ấy, khóa Tuấn đang ở rể nhà cha vợ. Một hôm, cha vợ lập một cái bàn thờ nhỏ ở dưới bếp và nói:

– Nào! Khóa Tuấn học hành xưa nay, giờ viết cho thầy mấy chữ để thờ thần bếp được chữ?

Được cha vợ sai thì ai dám cãi? Khóa Tuấn liền đem bút lông mực Tàu ra ngay và viết hai chữ Hán đại tự: “Tuấn Cao”.

Gặp cha vợ là người dốt chữ, ông thấy con rề viết chữ đẹp thì mừng lắm và kính cẩn đem treo nó lên bàn thờ ông táo.



Một hôm có một người khách đến chơi, ông ta thấy như vậy mới ngạc nhiên hỏi:

— Ủa! Sao lại thờ chữ “Tuấn Cao”? Anh ấy đâu mà nhà bác lại thờ?

Ông già vợ hoảng hốt, kêu ngay Khóa Tuấn về la mắng:

— Tôi tưởng anh học đàn hoàng, vậy mà anh lại dám bốn cọt viết tên anh cho tôi thờ. Thật là quá đáng!

Tuấn gãi đầu, lễ phép thưa:

— Thưa thầy! Ai nói rứa là họ chẳng hiểu gì về chữ thánh hiền. Con viết theo ý thầy đó mà!

— Anh nói đúng ý tôi? Vậy tôi bảo anh viết chữ để thờ thần bếp hay là thờ tên người viết?

– Dạ, tại thầy chưa hiểu thôi, chớ con viết hai chữ “Tuấn Cao” có nghĩa là “Táo Quân” là không sai đâu ạ. Bếp thì thờ ông táo quân chớ còn thờ ai phải không thầy?

Cha vợ của Khóa Tuấn nghe vậy đành chịu chàng rể.

NHẬN HỐI LỘ

Chuyện xảy ra khi ông đã làm đến chức tri phủ. Thời ấy chuyện nhận hối lộ của các quan là một tệ nạn “đương nhiên”. Một lần có lão phú hộ đánh một người tá điền gây thương tích. Nạn nhân phát đơn kiện và lão kia đã nhiều lần đánh người nên bị tống giam ngay và đang chờ ngày xét xử. Quen thói, lần này lão lại tìm cách nhấn người nhà đến cửa sau phủ đường lo lót. Phủ Tuấn hẹn rằng:

– Cũng không có gì là khó lắm. Muốn khỏi tội đánh người, thì phải chịu cho ta mười nén bạc. Nội hoàng hôn ngày mai phải đưa đủ!

Nói xong, ông tạm tha hấn về ngay. Tưởng đã lung lạc quan chỉ với mười nén bạc, tên này hí hửng mò đến dinh quan phủ thật đúng hẹn. Không thấy quan đâu, hấn hỏi thì được nhà cho hay là

quan đang ở chỗ chuồng heo. Mò ra, hắn nhìn thấy quan đang ăn mặc rất chỉnh tề, mang hia đội mào du cá. Tên này khúm núm dâng lên mười nén bạc. Phú Tuấn bảo:

– Mi chuẩn vô tay áo thụng cho ta!

Ít hôm sau, ngồi ghế chánh án, ông tuyên phạt tên này năm năm tù khổ sai về tội đánh người trọng thương. Hắn chưng hửng, biết mình bị lừa, nên rút tiền lên quan tỉnh, kiện ông ăn hối lộ. Phú Tuấn bị đòi lên tỉnh để đối chất. Trước mặt các quan hàng tỉnh, Phú Tuấn nhất định không chịu nhận và xin tòa bắt tên phú hộ kia phải khai rõ hắn đưa bạc cho ông ở đâu, vào lúc nào, lấy gì làm chứng. Tên này khăng khăng kể hết sự tình.

Tòa vặn lại:

– Thế mi giao bạc cho quan phủ ở đâu?

– Dạ... ở nơi chuồng heo nhà ông ấy.

Quan tòa trở mặt.

– Thế nào?

– Dạ... bẩm, lúc đó quan phủ đội mũ, đi hia, mặc áo quan và đang cho heo ăn ạ! Chính con đã nhét mười nén bạc vào tay áo thụng của quan.

Phú Tuấn phì cười:

– Bẩm các cụ lớn, rõ ràng là tên này đã bịa đặt mà lại còn láo xược! Có đời thuở nhà ai cho

heo ăn mà lại mặc phẩm phục? Tui đề nghị tòa tăng án phạt hấn thêm năm năm nữa về tội khinh đạo thánh hiền, vu khống quan trường...

Lão phú hộ khóc bù lu bù loa, nhưng ai mà nghe lời hấn.

TRẢ TRÂU VỀ ĐÚNG CHỦ

Thời làm quan, có lần Phú Tuấn xử kiện vụ mất trộm trâu. Bên nguyên là một nông dân kiện bên trộm trâu là một nhà phú hào có thế lực. Ông này cá quyết rằng trâu ấy là của mình. Phú Tuấn liền xuống tận nơi thị sát. Sau khi nghe cả hai lên ông đường và bắt đầu hỏi bên bị:

– Nhà anh có bao nhiêu trâu?

– Thưa, Nhà con có năm con tất cả ạ.

– Anh có biết đặc điểm chi về con trâu này không?

– Bẩm, có ạ.

Thế rồi gã phú hào kể vanh vách khá chi tiết từng đặc điểm về con trâu ấy: cao ba thước hai phân, dài sáu thước năm phân. Có tám khoáy: một khoáy trước trán, một ở đỉnh đầu, hai khoáy ở dọc sống lưng, hai khoáy ở hai bên bả vai, hai khoáy ở hai hông cổ, hông trước, đuôi dài thước năm. Trâu

có bốn răng. Sừng cong, cái bên trái dài hơn cái bên phải hai phân. Mỗi sừng có sáu lỗ lỗ, nông sâu khác nhau.

Quan Phủ Tuấn quay sang hỏi bên nguyên. Bên nguyên thưa:

– Bẩm quan! Nhà con chỉ có một con trâu nớ. Khi đặt ách cày vô cổ con trâu, con lấy tay gài gài bên má trâu, là hấn lè lưỡi ra liếm tay con.

Phủ Tuấn bảo:

– Vậy anh làm thử trước mặt ta và có đông đảo bà con, các chức sắc ở làng cùng xem ở đây.

Anh nông dân đặt ách vào cổ trâu, đoạn xoa xoa tay vào má nó. Con trâu lè lưỡi liếm mãi vào tay anh ta.

Mọi người thấy thế reo lên.

Phủ Tuấn hỏi tiếp:

– Bên bị! Còn đặc điểm các con trâu còn lại của anh?

Gã phú hào lúc này lúng túng, đứng thuôn mặt ra như ngỗng. Phủ Tuấn đập bàn quát rằng:

– Thế là trắng đen đã rõ! Xưa nay nuôi trâu có ai lại đếm đo tỉ mỉ như vậy bao giờ. Mì nói không đúng là phải thôi.

Vậy là kẻ trộm trâu phải đành nhận tội.

TRUYỆN ÔNG Ó

MƯỢN TRÂU

Một hôm, ông Ó đến làng kia, thấy một anh nhà giàu đang làm đất để cấy. Ông Ó mới hỏi:

— Cha chả! Hôm nay, mà chưa đi cấy kia à?

Anh nhà giàu trả lời:

— Năm nay làm nhiều ruộng, thuê người làm được còn ít, trâu thì bệnh nên thiếu trâu làm. Còn vài chục công nữa mà không có trâu phải làm tay, như vậy thiệt khó quá. Mà thuê người thì tốn tiền quá.

Ông Ó vừa cười vừa nói:

— Nhà tôi ở gần mé rừng nên có anh em gởi trâu cho chúng nó ăn cỏ trong rừng. Đồng bên tôi thì cấy xong cả rồi, anh có chỗ nhốt thì tôi cho mượn vài con mà làm thêm ít nữa.

Anh nhà giàu ham lợi
tưởng thật, ra mặt don đả
mời ông Ó vào nhà trâu
nước tử tế, xong cho đầy
tớ theo ông Ó, đến bắt trâu
về...

Nguyên năm nào cày
cấy xong thì mấy chủ trâu
cũng đem làm chuồng gởi
trâu trong rừng đó. Về tới
nhà, ông Ó liền ra nói với
mấy đứa trẻ chăn trâu cho mượn bốn con trâu tơ
chưa xỏ mũi, lấy dây chuối cột vào cổ, giao cho mấy
tên đầy tớ nhà giàu kia dắt đem về. Cái nghề trâu
khi đi xa, nghe tiếng bầy nghe ọ, thì giựt dây chạy
trở lại. Mấy tên đầy tớ đành tay không mà trở về,
thưa với chủ là trâu giựt đứt dây, chạy mất rồi.
Anh nhà giàu đành chịu. Vài ngày sau, gặp ông Ó
giữa đường cái, hắn ta trách ông Ó sao lại nói lừa
hắn. Ông Ó liền cười và trả lời:

– Vậy không biết tiếng ông Ó xóm Dưa hay
sao?

THAM THÌ THÂM

Có một bữa kia, ông Ó đi chợ mua thức ăn. Ông đến sạp thịt định mua một ít, nhưng nhà hàng thấy ông ăn mặc lôi thôi, thì có vẻ khinh, nói giá rất mắc để ông ta bỏ đi cho khuất mắt. Ông Ó biết thế, căm lắm, bèn nghĩ ra một mẹo làm cho hắn biết tay. Thường những người ở xa đi chợ phải dùng ghe, mà lúc đó thì ở bến không có chiếc ghe nào. Ông Ó thùng thỉnh quay lại sạp thịt lúc này, nói với hàng thịt:

— Ông bán thịt xem hàng chạy lắm, sao không thấy xuống dưới xóm tôi mua heo?

Anh nhà hàng lộ vẻ mừng rỡ:

— Dưới ông có nhiều heo lắm à?

Ông Ó trả lời:

— Nhà tôi cũng có một bầy heo mười mấy con, ai mua cả một lúc mới bán. Một hai lần có ghe lại mua, nhưng họ trả rẻ lắm, không muốn bán.

Ông nhà hàng mừng lắm, vì thấy một món hời. Ông mời bằng được ông Ó về nhà đãi cơm nước cho tử tế. Xong cho ghe đưa ông Ó về nhà mua heo luôn thể. Ghe vừa cập bến thì gặp lúc bà Ó ra bến gánh nước, ông Ó vội nói thật to:

— Cô ông này muốn mua bầy heo của nhà mình đây!

Bà vợ biết ý chồng, bèn xuýt xoa làm ra vẻ tiếc rẻ:

— Thật tiếc quá! Khi ông vừa đi khỏi có ghe lại mua, bắt đi rồi. Tôi đi gánh nước về rửa chuồng đây.

Ông hàng thịt nghe nói chừng hừng đành phải cho ghe về. Nghi không biết có phải mình bị lừa không?

BỮA NAY BẾ ĐẬP KỲ HÀ

Một bữa nọ, ông Ó có việc mới đi ngang đình Rấn. Thấy ông, các ông hương chức hội tề mới rủ:

— Này ông Ó, vào đây nói láo nghe chơi.

Ông Ó liền trả lời:

— Thưa các ông không được ạ, tôi còn phải về gúp dè tôi bắt hoi ở đập Kỳ Hà, vì đập Kỳ Hà vừa bị bế.

Nói đoạn, ông Ó quày quà đi liền. Nghe vậy, máu nhậu trời dậy, nên các hương chức trong làng ban hội tề liền sai những người phụ việc ở đình:

– Bay đâu, đến đập Kỳ Hà kiếm vài con cá đem về nhậu lai rai.

Đập Kỳ Hà lớn chắc có cá to đấy.

Nghe lệnh, anh em giúp việc trong đình lục tục kéo nhau ra đập Kỳ Hà rất đông, nhưng đến nơi thì đập vẫn còn nguyên, nước vẫn đầy. Thế là cả bọn kéo nhau về, tức tởm vì bị ông Ó gạt.

Vài ngày sau, ông Ó có việc ra đình, các hương chức hội tề liền lên tiếng khiển trách:

– Sao chú mày dám gạt tụi tao, báo hại chúng nó đi mất công. Bấy giờ, ông Ó mới cười lớn:

– Thì các ông biểu tôi vô nói lão nghe chơi mà, tui nói lão cho các ông nghe đó thôi.

TẮT ĐÌA

Làng Hội Phước có một nhà giàu nhưng keo kiệt. Y có non chục cái đìa trong khoảng đất của y. Tuy giàu có, nhưng y trả công cho những người tát đìa rẻ mạt. Bữa ấy, nhà y đang tát một cái đìa lớn sát bìa rừng Vông. Đìa này xưa nay vẫn có nhiều cá, vì vậy khi tát đìa chủ hay đứng canh chừng, sợ người tát thuê lấy mất cá. Đìa sắp cạn, ông Ó chạy hốt hải từ trong làng ra.

– Trời đất! Tui đi kiếm ông muốn hụt hơi. Ông Cả nhờ tôi mời ông ra đình có quan huyện về muốn gặp ông kìa.

Gã nhà giàu quay lại:

– Kiếm tui có việc chi?

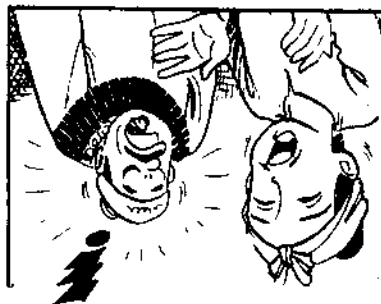
– Tui hồng rành, nhưng chỉ nghe ông Cả nói nghe đâu quan huyện định mời ông làm chánh tổng Minh Đạo hay sao đó?

Y lường lự một hồi, rồi về đình làng, dặn ông Ó canh chừng giùm những người tát đìa thuê. Thừa dịp, những người tát đìa nghe lời ông Ó, xúc hết cá to giấu vô rừng. Gã nhà giàu tát bắt đi về tới đình, nhưng thấy đình trống trơn, không có một bóng người, bèn quay ra chỗ tát đìa để cự ông Ó. Vừa thấy mặt y, ông Ó đã lên tiếng:

– Ủa! Quan huyện gặp ông sao lạ vậy?

– Nào tui có thấy ai ở đình đâu. .

– Thôi chết rồi, chắc quan chờ tui kiếm ông mãi hồng được nên quan ra về rồi. Mai ông thử lên huyện coi.



Vừa lúc ấy, địa cũng cạn, dưới lòng địa chỉ còn ít cá. Gã nhà giàu ngạc nhiên thốt lên:

– Lạ thật! Cái địa này vẫn có tiếng nhiều cá, thế mà năm nay sao quá ít, mà lại toàn cá nhỏ.

Ông Ó và những người tát địa thuê chỉ im lặng mim cười.

ÔNG HƯƠNG CẢ THÈM THỊT TRÂU

Hương cả từ ngoài đình đi về ngang qua nhà ông Ó, thấy ông đang ngồi mài dao, liền hỏi:

– Chú mài mài dao làm gì?

Ông Ó trả lời:

– Đi xẻ thịt trâu.

– Ở đâu? – Hương cả nghe lạ bèn hỏi.

– Ngoài sông cái có con trâu nhà ai mới chết. Tôi coi còn “có lý lắm” mới tính mài dao ra xẻ ít thịt đem về nhậu chơi. Nếu nhiều, còn dư phơi khô để đến mùa mưa có cái để “lại rai”.

Hương cả nghe xong, máu thèm thịt trâu nổi lên, ông ta đi vội về nhà, cầm cây mào vót chạy ra bìa sông cái. Vừa đi vừa lăm bằm:

– Đã lâu lắm, từ bữa cúng đình hồi tháng ba, mình chưa được miếng thịt trâu nào.

Ra tới bờ sông, ông ta kiểm hoài, mãi không thấy. Một lúc sau thấy có vật gì đen đen nổi lập lờ giữa sông, y cởi quần áo chạy ra. Chẳng dè đó là gốc cây bị cháy trôi tự trên nguồn về. Tức quá, hương cả lên bờ mặc quần áo, chạy về nhà ông Ó la ầm ỉ:

– Tại sao chú đánh lừa ta?

– Đâu có, tui biết ông cả thềm thịt trâu nên chỉ cho ông cả đó chớ.

– Tại sao kiểm hoài không thấy?

– Ủa! Ông cả không nhớ tui là ông Ó nói lão sao?

NÓI LÃO LẠI ĐÒI CÓ SÁCH

Hương giáo làng Hội Phước, chữ nghĩa chẳng bao nhiêu, nhưng lúc nào cũng khoe với mọi người là tui ham coi sách, tui nói cái chi cũng có sách. Bữa ấy, hương giáo đang ngồi uống trà ở một nhà nọ. Thì ông Ó đi vào. Thấy ông Ó, hương giáo liền vỗ vập.

– Tui vẫn nghe ông Ó nói lão có sách, ông có mấy quyển sách nói lão phải không? Bữa nào cho tui coi cái nghen.

– Ủa, khi nào rảnh, anh hương lại tui coi. Hay bữa nay, anh hương lại tui đi.

Một lát sau, ông Ó đứng lên. Định tỏ ra cho mọi người biết mình là người biết mình là người ham coi sách, nên hương giáo đứng dậy liền theo. Bước chưa ra khỏi sân nhà, ông Ó quay lại bảo:

– Trời đất, anh hương vẫn coi mình là người từng đọc nhiều sách mà không biết rằng nói láo lại đòi có sách ư?

Hương giáo đỏ rần mặt, quay lại bàn trà ngồi im, không nói lời nào.

CON GÀ CHƠI NHÀ PHÓ TỔNG

Phó Tổng Minh Đạt rất giàu, lại có máu mê gà chơi. Y chăm sóc con gà chơi và coi quý hơn kẻ ăn người ở trong nhà. Y lại hay phách lối, nên dân trong vùng không ai ưa. Ông Ó định bụng lúc nào sẽ phá y chơi. Hôm đó, chợ Vàm đang đông, người ta thấy ông Ó tay cầm sợi dây chuối, quần ống cao ống thấp, đứng cạnh hàng rào bông bụt nhà phó tổng la lớn:

– Ối bà con, bắt giùm tôi con gà kia! Tôi cọt chân không kỹ nên nhà ra đến gần đây thì nó sút



dây, nó chạy vô nhà này. Tôi đuổi nó mệt quá chừng, kia kìa, nó kia kìa!

Vừa nói, ông Ó vừa chỉ con gà chọi cao to ở nơi sân, rồi ngồi xuống bụ lu bụ loa:

– Tôi về, chắc bà la tui dữ lắm.

Thấy thương ông già, mọi người liền nhảy vô nhà, nhè con gà đầu đàn đuổi bắt. Đàn gà chạy tứ tán. Con gà chọi lớn nhất đàn chạy ngược ra cổng. Ông Ó liền vớ ngay đòn gánh của một người đi chợ vụt mạnh một cái, con gà gãy giò nằm bệt cánh ngay tại chỗ.

Ở trong nhà nghe ồn ào, phó tổng ra tới nơi, thấy vậy, la lớn:

– Sao các người đánh què gà quý nhà tui?

Ông Ó trả lời:

– Đâu có, mấy ông ngoài chợ, đuổi gà chạy lại chỗ tui, nhờ tui bắt hộ hoặc đánh chết cũng được chẳng dè nó... nó...

Phó tổng cất lời:

– Các người kia đâu hết?

– Họ ở ngoài kia, đó...

Vừa nói, ông Ó vừa chỉ tay ra ngoài chợ lúa ấy rất đông người.

Viên phó tổng liền hỏi:

– Thế còn ông là ai?

Ông Ó liền trả lời:

– Tui là ông Ó ở xóm Dưa, ông không biết sao?

Nói rồi, ông quày quả đi luôn. Thế là phó tổng đành ôm con gà què vào nhà, tiếc ngẩn tiếc ngơ.

BẾ HẾT TRÓN RỒI!

Biết tánh bọn kỳ hào trong làng hay ăn bòn của những người dân trong làng. Một bữa no ông Ó đi ra đình làng, thấy cánh kỳ hào đang ngồi chơi uống nước tán gẫu, bèn hỏi:

– Bữa nay các thầy có bận công chuyện chi không ạ?

Nghe vậy có người liền hỏi:

– Có chuyện chi không ông Ó?

Ông Ó cung kính:

– Nhà tôi tát đìa, được hai mái cá dầy. Một mái đầy cá lóc, một mái toàn cá trê. Tôi tính bữa

nay nếu các ông không bận, xin mời các ông nhậu chơi cho vui.

Nghe được nhậu cá lóc, cá trê. Cánh kỳ hào nhận lời ngay. Gần trưa, họ kéo nhau lại nhà ông Ó. Vừa thấy bóng bọn kỳ hào, ông Ó từ trong nhà bước vội ra ngoài sân, nói như phân trần:

— Khổ thân tôi. Cá nhiều quá lại toàn cá bự cả nên khi tôi vừa đi khỏi nhà để đến mời các thầy, thì cá quấy bể mái hết, rồi... lọt xuống kinh đi hết cả. Tiếc quá chừng! Thôi thì đành hẹn các thầy bữa khác vậy.

— Cánh kỳ hào vừa mắc cỡ, vừa tức, cùng nhau lui thủi ra về.

HỎI BÀ CHÚA XỨ COI

Cạnh nhà ông Ó có một cái miếu mà dân trong làng vẫn gọi là miếu bà Chúa xứ. Bữa ấy, trong nhà bên cạnh có đông người ngồi chơi, ông Ó kể:

— Rãy nhà tôi năm nay có mấy dây bí mà trái nhiều quá cỡ. Trái nào cũng thiệt lớn mà lạ hơn là mỗi mắt bí có tới hai ba trái.

Mọi người không tin, bắt ông Ó dẫn ra rãy coi. Ra tới nơi, chỉ thấy dăm ba dây bí khẳng khiu, chẳng có trái nào cả. Mọi người cười ồ lên:

– Bữa nay ông Ó gặt tui tui không được, mắc cỡ quá trời nhen.

– Đâu có, tui nói thiệt mà.

– Thế bí nhà ông đâu hết?

Ông Ó nhìn quanh như chợt thấy cái chi đó và reo lên:



– Trời! Tôi biết rồi. Chắc có ai vừa hái trộm hết. Ở đây chỉ có bà Chúa xứ, chắc bà ấy chứ không ai vào đây cả?

Mọi người không tin. Ông Ó bảo:

– Thì cứ hỏi bà Chúa xứ coi.

CHẠY VỀ MÀ COI CON

Hai vợ chồng nọ giàu có nhưng rẻ rúng con cái, chỉ mãi lo làm giàu. Cả hai vợ chồng tối ngày mua bán ngoài chợ.

Lũ con ở nhà đói khát, lấm bừa khóc la ầm ĩ cả xóm. Một bữa, thấy ông Ó đang đi ngoài chợ,

vợ chồng nhà nọ như lúc vắng khách nên kêu ông Ó:

– Nè, nói láo nghe chơi ông Ó.

Ông Ó làm tỉnh như không nghe thấy gì. Người vợ nhà nọ lại kêu:

– Vô đây!

Ông Ó mới quay lại, làm như chợt nhớ ra điều gì:

– Trời! Tưởng ai kêu tôi. Té ra nhà chị, con cái ở nhà bị té vũng sặc nước, dân làng người ta đang cứu giùm, sắp chết tới nơi mà cha mẹ cứ ngồi đây rủ tôi nói láo nghe chơi. Thiệt khổ hết sức, tôi không thấy nhà ai như vợ chồng nhà này. Chỉ mãi lo buôn bán làm giàu mà hổng nhìn ngó gì tới con cái ráo trọi.

Vợ chồng nhà nọ lính quýnh nhờ người coi giùm hàng, rồi chạy muốn hụt hơi về nhà. Đến nhà, họ thấy mấy đứa con, đang tha thẩn ngoài vườn đùa nào mặt mày cũng lấm lem. Nhưng không có đứa nào té vũng, mà cũng chẳng có ai cứu giùm cả. Sợ mất đồ ngoài chợ, hai vợ chồng lại vội chạy trở ra. Vừa trông thấy ông Ó, cả hai vợ chồng đều trách:

– Ông báo hại vợ chồng tui, để vợ chồng tui chạy muốn hụt hơi...

Khi ấy ông Ó mới thủng thỉnh trả lời:

– Thì vợ chồng anh biểu tôi nói lão mà lại. Mà với vợ chồng nhà anh chị, không trông nom con cái bao giờ, bỏ hàng về thăm con chút xíu, cũng được chớ bộ?

HÀNG DỪA CỦA BÀ HUYỆN

Bà huyện ở tận Cái Quao, nhưng có một sở đất tại vùng này. Ranh đất là một hàng dừa thẳng tắp. Một hôm, thấy ông Ó đứng ngắm hàng dừa, mấy người qua đường bèn hỏi:

– Hàng dừa của ông đó à?

Ông Ó trả lời:

– Ừa, mấy người không biết đây là hàng dừa của bà huyện hay sao? Mọi người lại khen dừa trồng hồi nào mà ngay hàng thẳng lối quá. Ông Ó bèn kể: “hồi đó, chỗ đất này hoang vu, chỉ có một cây dừa thôi, ngoài kia là rừng, rất nhiều cọp. Hằng ngày cọp vẫn từ trong rừng ra ăn dừa rụng, ông nắm chặt đuôi con cọp, đá mạnh một cái. Cọp đau quá, la éo éo,



ĩa vọt ra những trái dừa thành một đường ngay tắp, rồi cong đuôi chạy. Nơi những trái dừa do cộp ĩa, mọc lên thành hàng dừa mà các ông các bà thấy đó”.

Nghe xong, mọi người hỏi lại:

– Ủa. Sao hồi nãy ông biểu hàng dừa này là của bà huyện.

Ông Ó thủng thỉnh đáp:

– Ủ, bà huyện một bữa bảo vùng đất này của quan ông trấn nhậm, nên dừa mọc trên đất đó là của bà ấy chứ sao.



Mọi người lại hỏi:

– Thế còn hàng dừa?
Hồi nãy ông kể cộp ĩa ra rồi nó mọc lên kia mà.

Ông Ó trả lời:

– Chớ sao, bà huyện bả ăn huê lợi của đất này, thì bả chiếm hàng dừa luôn chớ. Cứt cộp ĩa ra, chớ cái gì đâu mà bả chê!

CÂU ỐNG

Một bữa nọ, ông Ó muốn ra Mỏ Cày thăm người bà con. Đi bộ thì đường rất khó, chỉ còn đi theo Vàm Nước Trong. Ông ra mé sông coi chừng có ghe nào đi qua dặng quá giang. Ra đứng ngoài mé sông hồi lâu, chợt thấy có một chiếc ghe nhỏ đi ngang qua. Đó là ghe của một anh nhà giàu xóm dưới. Chủ ghe biết mặt ông Ó, mới hỏi rằng:

– Ông đứng làm gì, nói láo nghe chơi ông Ó.

Ông Ó bèn nói một cách tỉnh không rằng:

– Tôi đi câu ống từ sớm, hồi nãy có con cá gì lớn quá nó kéo tôi gần té xuống sông. Tôi sợ đứt nợ câu, nên tôi quăng ống câu cho nó tha hồ kéo đến đâu thì đến... Tôi muốn kiếm xuống mà theo, ngặt trong xóm tôi không có ghe xuống chi hết, nên phải ngồi đây mà ngó. Phải chi chú em cho tôi quá giang tới vàm, coi nó ra tới đâu, may ra bắt được nó, tôi chia một nửa cho chú nhậu chơi!

Gã nhà giàu kia hỏi:

– Ông nói chơi hay nói thiệt?

Ông Ó chỉ bụi gần mé sông và nói:

– Tôi tóm bụi cỏ còn đứt đó.

Gã nhà giàu quay mũi ghé sát bờ cho ông Ó xuống. Ngồi trên ghe, ông Ó làm bộ ngó tới ngó lui hoài, lúc tới vàm Mỏ Cày, vẫn không thấy gì hết, ông Ó chặt lưỡi mà nói rằng:

– Chắc nó trằm mình dưới bùn sâu, mình vô ý không thấy. Vậy chú ghé vô bờ dặng tôi mượn chiếc xuồng nhỏ bơi trở lại coi có kiếm được nó chăng?

Khi bước lên bờ, ông Ó quay lại nói với chủ ghe rằng:

– Chú biểu tôi nói láo, nên tôi nói láo cho chú nghe đó.

XỎ VỢ NHỎ ANH NHÀ GIÀU

Một bữa nọ, ông Ó đi chợ, đang đi có người gọi ở phía sau:

– Đi chợ hả ông Ó, chờ tui với.

Ông Ó đi chậm lại chờ, thì ra đó là vợ nhỏ của một anh nhà giàu ấp ngoài. Người đàn bà này vốn rất chiều chồng. Đi ngang qua ông Ó, bà ta nói:

– Nói láo nghe chơi ông Ó.

Ông Ó bảo:

– Ủa, bữa nay em đi chợ hay sao? Hèn chi, qua nghe nói người ta đang đóng trống giải chồng em ra đình mà.

Người đàn bà hoảng sợ, hỏi ông Ó:

– Có việc chi mà chồng chị ta bị giải ra đình?



Ông Ó đáp:

– Qua tưởng em biết rồi chứ. Té ra em chưa biết sao?

Người đàn bà nhớ ra hồi hôm chồng mình xuống xóm Dừa chưa về, tin là ông Ó nói thiệt. Liền chạy vội về đình. Nhưng tới nơi đình lặng ngắt không một bóng người. Thế là chị ta lại hấp tấp chạy ra chợ. Lúc này, chợ đã gần mãn. Gặp ông Ó ra về, người đàn bà liền lên tiếng trách ông Ó:

– Làm chi ông ác dữ vậy? Báo hại tui chạy ra đình rồi chạy về chợ muốn đứt hơi.

Ông Ó trả lời thủng thính:

– Qua thấy em nhàn nhã quá, e đâm hư hỏng. Vả lại, em biểu qua nói láo nghe chơi mà, nên qua

để em chạy cho bớt nhàn nhả đó thôi. Thế là chị vợ nhỏ anh nhà giàu xách giỏ về mà không mua được chút gì.

CHÓ SĂN

Một hôm, ông Ó đi vào rừng, gặp mấy anh nhà giàu vác lưới đi săn heo rừng. Chả là bọn này rảnh rỗi, nên thường bày đặt ra những cuộc đi chơi, đi săn trong rừng. Ông Ó định hỏi thăm cho qua chuyện họ có săn được nhiều không? Nhưng họ trả lời một cách hợm hĩnh:

— Lẽ ra còn được nhiều nữa, nhưng ruid chó săn dở quá, nên heo chạy hết.

ông Ó liền nói:

— Nhà tôi có giống chó săn giỏi lắm, trong xóm tôi, ai đi săn đều mượn chó nhà tôi, rồi họ cho thịt tôi ăn không hết. Mấy tay nhà giàu hồi này chưa biết ông Ó, nên tưởng thật mới bảo:

— Vậy nhà ông có chó con không?

Ông Ó trả lời:

— Con chó cái nhà tôi nó mới đẻ năm con, ba con đực, hai con cái.

Bọn này bèn hỏi:

– Vậy ông nhón cho chúng tôi một con chó cái có được không?

Ông Ó đáp:

– Trước nay, chó nhà tôi đẻ lần nào, xung quanh họ cũng nài hết. Anh em theo tôi về nhà, muốn con nào, tôi để cho một con.

Họ theo ông Ó về nhà, đến nơi chỉ thấy một con chó ốm nhom, đầu chốc ghẻ và ba bốn con chó con nằm cạnh. Một người lên tiếng:

– Con chó này phải không?

Ông Ó gật đầu:

– Chúng tôi coi tướng nó không phải tướng chó săn, mà là chó cỏ.

Ông Ó đáp lại:

– Các người thấy nó xấu tướng, các người nói vậy. Để tôi thuật chuyện bắt heo rừng của nó năm trước cho các người nghe, các người mê liền. Cũng lối tháng này năm ngoái, khi nó có bầu lứa trước gần ngày. Máy người trong xóm rủ tôi đi săn, con chó của tôi cũng à ểnh đi theo. Vô rừng, máy con chó kia chạy trước, gặp con heo rừng lớn nó đánh máy con chó kia té đầu, rách ruột. Con chó của tôi bị heo đánh té đầu. Tôi thấy thế, nóng ruột vội kéo nó ra, hái nắm lá giác, nhai với vội ăn trầu, lấy dây choai bó lại cho nó. Một lát, chỗ đầu



hết chảy máu. Máy người kia rủ trở lại rừng kiếm, thấy con chó bị heo rừng đánh chết. Con chó của tôi thấy người đi, nó cũng đứng lên đi theo. Chẳng ngờ con heo rừng khộc lại đứng dậy rượt đám thợ săn. Mọi người thất kinh, cầm mác thông, dỡ gậy nó mà chạy. Chạy một hồi xa,

không thấy con heo rượt theo nữa, họ quay lại, thấy con heo đang quỳ một chỗ còn con chó của tôi thì cắn sủa âm ỉ. Máy người đi săn thấy vậy, cầm mác thông đâm chết con heo. Lúc ấy mới hay rằng, khi lao rượt theo chúng tôi, con heo đã bị con chó cắn đứt nhượng không chạy được. Đó, các người thấy con chó của tôi có phải là chó săn giỏi không?

Bọn nhà giàu lại hỏi tiếp:

– Thế rồi sao nó lại ghẻ lở kỳ cục vậy, ông Ó?

Ông Ó trả lời thản nhiên:

– Sau kỳ đó, tự nhiên nó lười đi săn, chỉ ham vào rừng chơi bời, nên sanh ra ghẻ lở đó. Hình như kẻ nào lười nhác ham chơi bời cũng đều bị ghẻ lở như vậy, phải không các anh?

Bị ông Ó chửi mạt, nhưng bọn nhà giàu không có cách gì nói lại được, đành ra về và cũng không mua con chó con nữa.

XỔ ANH NHÀ GIÀU

Có một anh con nhà giàu, tính hay chơi bời, khi thì theo ghe chài, lúc lại theo bạn săn bắn. Một hôm đi săn trong rừng gần nhà ông Ó, anh này thấy dấu heo rừng ủi bèn hỏi ông Ó:

- Ai đào làm gì hang lỗ cùng vậy ông?
- Đó là heo rừng ủi chớ gì! ông Ó đáp.

Anh kia lại hỏi:

- Heo rừng cũng như heo mình, sao đất cứng như vậy mà nó ủi được. Hỏi ông?

Ông Ó đáp:

- Trời sinh ra nó có một cái nắm ở mõm cứng như sắt, để cho nó ủi đất kiếm ăn.

Anh nhà giàu nghe nói heo rừng, nhưng chưa hề thấy bao giờ, nên tưởng thật. Một lát, bọn thợ săn giết được một con heo. Hắn ta mừng lắm, bèn lấy dao con trong lưng ra xẻ mõm heo để kiếm cái nắm cứng sắt đó. Tìm mãi không thấy gì hết, hắn mới hỏi lại ông Ó:

– Heo rừng có cái nằm cứng như sắt trước mồm, sao tôi kiếm mãi không thấy?

Ông Ó trả lời:

– Người ta thường nói nhà giàu mồm có gang có thép, nhưng chết thì hết. Cái nằm của heo rừng cũng thế, trời cho nó lúc còn sống, nay nó chết thì cũng hết, còn đâu mà hỏi!...

NÓI LÁO CÓ SÁCH

Thuở ấy có quan huyện Cái Quao tính ham chuyện lạ, nghe người ta nói ông Ó nói láo hay, nên cho đòi đến để xem tài ông Ó. Khi đến gặp quan huyện, ông Ó trả lời:

– Bẩm quan tôi nói láo có sách chứ không phải đặt ra mà nói được. Quan muốn tin thì xin quan cho phép tôi về lấy sách đem lại nói cho quan nghe.

Quan huyện tưởng thật, cho ông ta về lấy sách. Mãi lâu không thấy trở lại, bèn cho người đến đòi ông Ó đến dinh và quả. Ông Ó ung dung trả lời:

– Bẩm quan nói láo là như vậy đó. Xin quan xét lại xem có đúng không?

Quan biết mình mắc hợm, đành làm thỉnh cho ông Ó về.

TÔI LÀ DÂN MẦN ĂN MÀ

Sau lần mắc mưu ông Ó, quan huyện Cái Quao cho đòi ông Ó lên để phạt tội vì đã nói gạt quan. Vừa thấy ông Ó bước vô công đường, quan đã đập bàn quát lớn:

— Lính đâu, trói ông già này lại cho ta, và đánh ông ta mấy chục roi vì tội nói gạt quan trên nghe chưa.

Ông Ó nói như phân trần:

— Tôi biết tôi có tội với quan, nhưng quan biểu tôi nói láo, tôi mới nói chớ bộ. Tự dưng nào đâu tôi dám gạt quan. Thiệt khổ, nhà tôi đơn chiếc, công chuyện ra về. Dám mong quan lớn đèn trời soi xét cho tôi.

Nghe vậy, quan biểu:

— Ông chỉ biết nói láo chớ biết mần việc chi?

Thấy quan đã dụ giọng, ông Ó nói nhẹ nhàng:

— Trời đất ơi, tôi là dân mần ăn thiệt mà, sáng nay quan đòi sớm quá, phải chi tôi đã bắt



được con của đình rồi. Hồi sớm, đi ngang chỗ vắng của tôi, tôi thấy con của đình đang dập dềnh, lúc nổi lúc chìm, nhưng không vô đó được, vì nó lớn quá. Nhưng tôi không dám lội xuống để bắt, sợ lên hầu quan trẻ, quan bắt tội.

Nghe nói của đình, quan huyện mừng thầm :

“Ta phải biểu ông già này bắt được của đình, mang lại chỗ ta để nhậu. Nghe mấy ông thầy thuốc biểu của đình quý lắm, rồi làm về rộng lượng :

– Thương ông là là dân mần ăn, ta không nỡ bắt tội, nhưng chiều nay, ông nhớ đem cho ta con của đình nghe.

Vâng dạ một lát, ông Ó ra về. Quan huyện chờ hết ngày hôm đó lại đến ngày hôm sau, sau nữa, mà không thấy bóng ông Ó. Quan giật mình : “Thôi thế là mình lại mắc mưu ông già xóm Dừa lần nữa rồi”. Nhưng quan huyện không dám đòi ông Ó lên nữa, vì sợ gạt tiếp thì mắc cỡ lắm.

BÁN SÁCH NÓI LÃO

Chánh tổng Minh Đạt hay sách nhiễu dân, lại có tánh hơi tò mò, ông Ó định bụng lúc nào sẽ làm cho y bẽ mặt một bữa. Một hôm, ông Ó quấy tòn teng hai bọc vải đỏ đi ngang qua chợ. Gần chợ là ngôi đình, nơi chánh tổng vẫn ngồi mần việc. Bữa nay, viên chánh tổng đương nổi bắt chân chữ ngũ, sau khi đã rít một hơi thuốc lào, chợt thấy người quấy hai bọc vải đỏ, nhìn kỹ biết là ông Ó, bèn cho người gọi vô:

— Ông đi đâu đó?

— Dạ con đi chợ.

Ông Ó cung kính đáp, vẫn quấy gánh trên vai. Thấy lạ, viên chánh tổng bèn hỏi:

— Ta nghe nói người vẫn tự khoe mình nói lão có sách phải không?

Ông nói như phân trần:

— Dạ, thầy con ngày xưa có để lại cho con bộ sách nói lão thiệt. Nhưng dạo này nhà ngặt quá, bữa nay con tính đem bán đặng kiếm ít tiền về nuôi sắp nhỏ. Con đi từ hồi sáng tới giờ, mà chưa có ai mua giùm.

Chánh tổng hí hửng:

— Người bán lại cho ta?

– Nhưng sách của con mắc lắm.

– Bao nhiêu mà người bác mắc?

Ông Ó trả lời:

– Sách này quý lắm, thầy con dặn rằng nếu lỡ phải đem bán, không được để cho người mua giở ra coi ngay trước mặt mình. Chánh tổng là người lớn nhất tổng Minh Đạt này, con xin bán chỉ hai quan thôi. Viên chánh tổng làm ra vẻ dễ dãi:

– Ủ, ta đồng ý mua, và ta trả người trước một quan, còn mai lại, ta trả nốt.

Ông Ó cầm tiền ra về. Đi được một đoạn, ông chạy rất lẹ về nhà. Viên chánh tổng giở từng lần vải đỏ, vừa hết mảnh cuối cùng, một đàn ong vò vẽ bay ra tán loạn. Xúm vào đốt chánh tổng và những hương chức trong đình. Cả bọn ôm đầu chạy và kêu: “Đã biết là ông Ó nói láo mà lại đòi mua sách của ông!”.

RA HUẾ NÓI TRẠNG

Có nhiều quan lớn ở Huế vào trấn nhậm Nam Kỳ, nghe tài ông Ó ứng đối giỏi, khi về kinh, hay đem chuyện ông Ó ra khen là người nói láo hay nhất Nam Kỳ. Có một ông Đông cung nên khi có anh em đi trấn nhậm Nam Kỳ đòi gọi ông Ó ra. Thuận có lúc ghe bầu cải lương về kinh, họ gọi ông Ó ra Huế. Ngày kia, có người dắt ông Ó ra mắt Đông cung nhằm lúc Đông cung đương cười vui đi săn bắn với các quan. Gặp ông Ó ngoài đường, Đông cung tỏ vẻ rất mừng hỏi:

– Bấy lâu ta nghe nói láo hay, vậy hãy nói ta nghe thử. Đông cung vừa dứt lời, ông Ó liền thưa:

– Nếu Đức ông muốn nghe chi thì xin sớ ý, tôi mới nói được.

Đông cung ngẫm nghĩ một hồi rồi nói:

– Thôi tùy ý nhà người, muốn nói cái chi làm cho ta mắc lừa thì nói.

Ông Ó nghĩ thầm: “Sao lại có người nhàn hạ rong chơi suốt ngày và thích những chuyện phiếm như thế được! Đã vậy ta gạt cho mà xem”.

Ông Ó bèn thưa:

– Tôi nói gạt thì thế nào Đức ông cung phải mắc mớ, song Đức ông đang ở giữa lưng chừng,

đầu không tới trần, chân không đụng đất thì không gạt được!

Đông cung muốn thấy tài ông Ó nói lão ra sao. Lật đặt tụt xuống đứng dưới đất ngang với ông Ó, rồi nói:

— Bây giờ, người hãy nói đi!

Ông Ó lễ phép thưa:

— Đức ông bảo tôi nói lão, nên tôi mới nói lão gạt cho đức ông tụt xuống. Dạ nói lão là như vậy đó.

Đông cung nghe nói đành chịu, không bẻ ông Ó vô lễ với mình được, nhưng trong bụng nghĩ sẽ tìm cách trị tội sau.

THẦY ĐỊA LÝ

Những ngày lưu lại kinh đô Huế, ông Ó đi dạo khắp nơi. Một cậu lính hầu của các quan thấy ông thì hỏi:

— Ông ở xứ Đồng Nai ra đây có việc chi, hay là đi nói pha trò cho các quan nghe.

Ông Ó trả lời:

— Tôi là thầy địa lý có danh trong Đồng Nai, các quan lớn ngoài này, người nào trấn Đồng Nai đều biết tôi. Đức ông nghe danh nên đòi tôi ra dạy chỉ vài bí nhiệm cho ngài học. Ngài haun học địa lý lắm, chẳng biết để làm gì, vì huyết của ngài phát to nhất rồi còn gì.

Mấy thầy đội, thầy cai nghe nói thế, bèn rước ông về nhà. Với ai ông cũng hẹn sẽ tới. Cho đến ngày ông ra về, họ theo đón đường xin coi giùm huyết cho, kẻ thì xin coi cho ông bà, kẻ thì xin coi cho cha mẹ. Lúc đó ông Ó mới nói:

— Đức ông, ngài rước tôi ra đây dạy nói láo cho ngài nghe để mua vui, chứ có phải địa lý địa liếc gì đâu. Nếu không, tôi việc gì phải đi nói láo cho Đông cung và các cậu nghe làm gì!

QUAN HỮU TRÍ MẮC LỬA

Có một viên quan hay ăn dút lót, nay già về ở Huế. Trong nhà, vợ con làm nghề dệt lụa. Bữa nọ, đang khi đi dạo chợ, ông thỉnh linh gặp ông Ó đi chợ, bèn kêu lại mà rằng:

– Ông có phải là người xứ Đồng Nai không?

Ông Ó quay lại, thấy một người hao hao giống như viên quan mà ông đã nghe danh từ lúc chưa ra Huế, liền chào và nói:

– Dạ phải!

– Ông có phải là ông Ó không? Viên quan lại hỏi:

– Dạ phải! – Ông Ó đáp.

Nghe vậy, viên quan liền tỏ vẻ giễu cợt:

– Ở trông hổng có việc gì, nên ông ra ngoài này nói láo sao, hay ông ra ngoài này có công chuyện chi?

Ông Ó nghĩ bụng phải cho viên quan này một trận mới được, nên trả lời rằng:

– Không phải. Năm rồi, trong Đồng Nai, dâu tằm khá lắm, vợ tôi ở nhà trúng mùa tằm hết biết. Nó kéo được ít yếm tơ mà bán không được. Nhon có một người lái ghe bầu ở cửa Hàn vô ra buôn bán quen với tôi. Người ấy rủ tôi ra đây chơi, trước là

cho biết xứ sở người, sau là bán tơ luôn thể. Mà hôm nay vẫn chưa bán được. Nay có người đi chợ, nên tôi đi theo vào đây chơi.

Ông quan ấy tuy đã nghe danh ông Ó nổi tiếng nói láo, song thấy ông có vẻ nói thiệt, bèn bảo :

— Thiệt vậy thì tôi cho thằng nhỏ này theo ông đặt nó dất ông đem tơ lại nhà cho vợ con tôi mua.

Ông Ó bằng lòng. Viên quan khắp khối mừng thầm. Tự nhiên mình lại kiếm được mỗi hàng, phen này phải ép giá để mua rẻ mới được. Ông Ó đi với gia thần viên quan một quãng đường dài, rồi day mặt lại mà rằng :

— Thôi chú trở về và bẩm với ổng đã biết ông Ó nói láo đó, chớ có chút tơ nào bán đâu !.

LỜI DẶN CỦA THẦY TÔI

Đông cung hay bày đặt những trò chơi để tiêu khiển thì giờ, nên một bữa bắt ông Ó cùng đi ngoạn cảnh với mình. Đông cung chỉ ra ngoài xa, hỏi ông Ó rằng:

— Nhà ngươi coi nhơn vật xứ này với xứ người làm ăn có khác nhau không?

Ông Ó trả lời:

— Tôi coi dân xứ này ít làm lắm, dân trong xứ tôi không phải vậy.

Đông cung lại hỏi:

— Sao mà gọi ít làm?

Ông Ó lại đáp:

— Dân trong tôi cày cuốc cả năm, không cho đất ở không chỗ nào. Còn ngoài này, bởi họ ít làm, nên để đất chai hóa đá, lâu năm nó sanh sẵn thành núi. Bởi vậy xứ này núi nhiều, ruộng ít, còn ở trống, nếu có núi đào ít năm cũng sập.

Đông cung cười ngất, rồi bảo:

— Người nói lão giỏi vậy là do ai dạy, hay người tự bày đặt ra mà nói.

Ông Ó trả lời một cách cung kính:

– Dạ thưa, dẫu là chuyện nhỏ mọn cũng phải có thầy. Thầy tôi dạy thường thường có tới năm bảy mươi học trò. Cách nay mười năm, vua bên Tàu cho rước thầy tôi qua Bắc Kinh nói láo cho vua Tàu nghe. Khi thầy tôi về, vua Tàu có ban cho thầy tôi một trăm lạng vàng, lại có tàu đưa về. Rủi là đi dọc đường bị ăn cướp. Tàu công giết thầy tôi lấy hết của. Sau, vua Tàu hay tin có gởi thư qua thăm hỏi vợ thầy tôi và phong cho là Tổ sư nói láo.

Đông cung lại hỏi :

– Vậy chớ, khi còn học thầy người, điều gì thầy người dạy người kỹ nhất?

– Dạ có, nhưng tôi không dám nói, c Đông cung giận.

Làm ra vẻ độ lượng, Đông cung bảo .

– Người nói, có gì, ta tha lỗi cho.

Ông Ó chậm rãi đáp :

– Nói láo thì chỉ nói cho người ham làm nghe cho vui, chớ kẻ ham chơi mà đòi nghe nói láo, thì chửi cha nó lên.

Rất giận ông Ó, nhưng đã hứa rồi, nên Đông cung không làm chi được.

NÓI GẠT QUAN LỚN

Một hôm Đông cung đãi yến, các quan đòi ông Ó nói láo cho các quan nghe. Lúc đó ai cũng muốn bảo ông Ó nói láo nghe chơi. Ông làm thỉnh một hồi, không nói gì hết. Các quan hỏi vì cớ gì mà không trả lời, lại coi bộ buồn rầu như vậy? Ông Ó liền thưa:

— Khi tôi nghe Đông cung đòi thì tôi lật đật chạy, không rõ đập nhằm con gì, nó cắn tôi một cái, bây giờ chỗ ấy nhức nhối hết sức, tôi thấy trong người đề mê không nói lên được.

Các quan tưởng thật, xúm lại hỏi cắn chỗ nào? Người thì sai đi gọi thầy thuốc, người sai đi lấy thuốc, tỏ vẻ ân cần với ông Ó để ông mua vui cho. Các quan lớn sung sướng quá dễ sinh buồn, vì chẳng có việc gì làm... Một hồi lâu thầy thuốc tới, Khi đó, ông Ó mới nói với các quan:

— Ấy, tôi nói láo cho các quan nghe chơi chứ không có chi hết, vì các quan muốn tôi nói láo để mua vui mà lại.

KHOAI NGỰ

Ông Ó lại ở Huế ít lâu. Dù ghét ông, nhưng Đông cung thái tử vẫn phải cấp cho ông một số tiền để ông về quê. Ông tính chờ ghe bầu trở vô thì lâu, nên hỏi thăm đường sứ trở về. Khi đi, thấy một thứ khoai lạ, ông bèn nghĩ ra một kế dặng kiếm ăn dọc đường. Ông cắt một mớ dây lang ấy gói lại xin nước tưới dây lang. Đến một xóm nọ, có ngôi nhà lớn day mặt ra lộ, ông Ó đoán là người nhà này ắt khá giả liền vào xin nước tắm dây lang. Chủ nhà thấy có một ông già xin nước tưới, thì hỏi dây gì mà ông gói kỹ càng vậy. Ông Ó liền thưa:

— Đó là dây khoai ngự.

Người chủ nhà hỏi:

— Sao lại kêu là khoai ngự?

Ông Ó liền trả lời:

— Thứ khoai này trồng trong vườn nhà vua. Tôi có một người anh em giữ vườn cho vua, nên lên đem cho một ít sợi dây làm giống. Khoai này khác hơn khoai ta. Trồng nó phải có giàn như giàn bầu, củ nó thông xuống như trái bầu, vậy mà ăn củ suốt cả năm.

Chủ nhà nghe nói kỹ càng như vậy, thì tin thiệt, nên năn nỉ với ông mua bằng được một ít làm giống. Ông Ó trả lời:

– Đây là thứ khoai quý, mà tôi đã mất công mang từ Huế vô đây, tôi không nỡ bán. Bây giờ ông năn nỉ, tôi bán nhưng mắc lắm đó, ông có mua được không?

Chủ nhà bằng lòng, mua mỗi dây một quan tiền, y mua hết nửa bó dây ấy. Thấy vậy, mấy nhà chung quanh cũng theo nài nỉ mua nốt. Ông Ó bán gần hết chỗ dây lang ấy, chỉ còn lại một vài dây, mà ông nói để mang về Đồng Nai làm giống, nên không bán hết cho họ. Đi ra khỏi làm, ông vút luôn. Thế là bó dây lang ông Ó đủ tiền ăn tới quê nhà.

NẤU RƯỢU BẰNG KHOAI

Đường từ Huế về Nam xa xôi cách trở mà ông Ó không được cấp nhiều tiền lăm nên cũng hết dần. Một hôm trời gần tối mà đường thì còn xa, ông Ó tình vô xóm ngủ nhờ một đêm, rồi sáng mai mới đi tiếp. Đến một nhà nọ, ông Ó thấy các tá điền đang xúm xít nhặt khoai, còn trên bộ ván ngựa bằng gỗ giữa nhà, hai vợ chồng nhà đó sắp ăn cơm. Thì ra, đây là một nhà địa chủ có hạng trong vùng. Sau khi được chủ nhà cho ngủ nhờ, ông Ó gần mấy người tá điền đang lựa khoai, hỏi xin mấy củ khoai thúì, khoai sùng rồi lấy khăn bọc lại cẩn thận. Chủ nhà đang ngồi trên bộ ván, thấy vậy rất lấy làm lạ.

– Khoai sùng, khoai thúì có ăn được đâu mà ông gói lại?

Ông Ó liền trả lời:

– À, tui đem về để nấu rượu đó.

– Trời đất! – Chủ nhà rất kinh ngạc – Khoai thúì, khoai sùng làm sao mà đặt được rượu.

Tôi đã học được ở một người Ba Tàu cách làm rượu Sử quốc công.

Nguyên thời ấy, những người Tàu thường đem qua bán một thứ rượu đựng trong ve chai nước đen



sâm, kêu là “gia bì”. Rượu
Sứ quốc công mùi nó như
khoai sùng. Ông Ó lại kể
tiếp:

– Lấy khoai sùng
đâm cho nát rồi nhồi
thành một cục để một
đêm, giã vô năm vị thuốc
bắc, lấy lá chuối gói lại
làm như làm cơm rượu
vậy, ba đêm ba ngày, mở

lí ra, bỏ vào khạp dây nắp cho chặt. Lấy hồ dán
kín để đủ mười lăm ngày thì cái xác khoai lặn xuống
hết. Múc lấy nước ấy ra chai, uống ngon hết sức.
Muốn uống cho ngọt, mỗi khạp thêm bốn lượng
đường phèn.

Chủ nhà nghe vậy, nhăm tính mình có cả chục
công khoai, khoai thúi, khoai sùng biết bao nhiêu
mà kể, đem đặt rượu chắc trúng lắm, bèn mời ông
Ó lên bộ ván ngồi uống rượu và ăn cơm với mình.
Cơm nước xong, ông Ó cùng với tá điền lựa khoai,
lấy cối đâm một cục rồi nhồi để đó. Sáng hôm sau,
ông Ó nói đi chợ mua các vị thuốc, rồi đi luôn. Chủ
nhà trông mãi không thấy ông Ó trở lại, không
biết vì sao.

CHUYỆN LẠ Ở HUẾ

Ông Ó về tới nhà, anh em bà con mừng rỡ lời thăm, hỏi:

— Ông ra Huế, có thấy cái chi lạ không?

Ông Ó nói:

— Thiếu chi cái lạ! Tôi thấy một khẩu súng để trước điện vua lớn hết chỗ nói. Hôm ấy, có người lính đưa tôi đi chơi. Thấy súng lớn, tôi trầm trồ, người lính bắc thang dắt tôi leo lên trên cái súng coi chơi. Thành lính trời đổ mưa. Chạy đi đâu cũng không kịp, người lính liền dắt tôi chạy theo lỗ ngòi vào trong nòng súng mà tránh mưa, cho đến khi tạnh mới về. Các người nghĩ coi súng lớn dường nào.

Mọi người lại hỏi:

— Thế súng lớn như vậy dùng để bắn giặc cướp, hay để bắn cái chi?

Ông Ó đáp:

— Ý chừng bày ra đó để khi Đức Vua và các quan đi xem chơi, lúc có mưa thì nấp, như tôi nói vừa rồi cũng nên.

Họ lại tò mò hỏi vua ăn mặc như thế nào?

Ông Ó nói:

– Áo đại bào của Vua giống như đồ hát bội, có điều bằng vàng thiệt, còn cái mũ của Vua thì nhiều tiền lắm.

Họ lại hỏi:

- Mũ bằng gì mà nhiều tiền?
- Làm hết hai mươi cân vàng. – ông Ó đáp.
- Cha chả, hai mươi cân vàng thì Vua đội sao nổi?

Ông Ó nói:

- Vậy các người không nghe hể làm vua thì có quan phụ chánh, viên quan ấy theo một bên, đỡ mũ cho Vua.

ÔNG TUYN

Ông Tuyn tên thật là Nguyễn Tuyn, người làng Bích Giang, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, sinh năm 1890, mất năm 1966.

Cuộc đời ông đã để lại nhiều chuyện khôi hài, dí dỏm và không kém phần thông minh, lém lỉnh của một người nông dân miền đất đầy gió cát Quảng Trị. Mặc dù ông mất đã lâu, nhưng hiện nay ở quê ông và vùng lân cận, vẫn còn lưu truyền trong dân gian những chuyện cười lạc quan, thú vị mà người ta quen gọi là chuyện cười ông Tuyn.

CHỌC CÔ BÁN BÌNH SỨ

Một hôm, ông Tuyn ra chợ mua cái bình sứ. Ông hỏi chị bán hàng:

– Cái bình này mấy đồng?

Chị bán hàng đáp:

– Năm trăm đồng.

Ông trả giá:

– Một trăm có được không?

Chị bán hàng giọng chanh chua:

– Một trăm thì mới ngang giá một cái vôi.

Thế là ông Tuyn móc ngay trong túi ra một trăm đồng, đưa cho chị bán hàng, đồng thời lấy tay bẻ luôn cái vôi rồi cầm đi, bỏ lại một cái bình sứ sứt vôi.

Chị bán hàng giận tím ruột, nhưng đành chịu, chỉ biết chửi ở phía sau lưng ông.

LÀM SAO ĐI XE KHỎI TỐN TIỀN?

Ông Tuyn từ chợ Đông Hà lên. Đã trưa, ông đón xe khách chạy tuyến đường Đông Hà–Cam Lộ. Xe dừng lại, ông bước lên bên tài xế:

– Chú ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.

– Dạ, mời bác lên!

Ông chạy lui sau xe, gặp anh phụ:

– Anh ơi! Cho tui xin lên Cam Hiếu.

– Bác lên đi, lệ nghe.

Lên đến Cam Hiếu, ông bước xuống xe. Cả tài và phụ đều hỏi tiền. Ông lý sự:

– Tui không có tiền, tui mới xin hai anh và hai anh đồng ý cho đi. Còn nếu có tiền, mắc chi tui lại xin như vậy. Hai anh đã cho tức là không lấy tiền.

Thế rồi, ông bỏ đi, mặc cho cả tài, phụ và hành khách ngơ ngác.



THẦY PHÙ THỦY NẶNG BỤNG

Để kiếm sống, thời thanh niên ông Tuyn đã học nghề phù thủy. Có lần, ông xách khăn gói đi cùống ở một làng xa. Đang gõ mõ, đọc sớ tấu, đến đoạn “Quảng Trị tỉnh, Cam Lộ huyện...” thì đột nhiên ông đánh rắm. Hơi trên với người bên cạnh, ông đọc luôn: “Xẩm xẩm rắm ai?”.

– Xẩm xẩm rắm Tuyn. – Người bên cạnh đáp.

– Oan Tuyn thì Tuyn chịu.

Ông đọc tiếp và cứ thế, ông tiếp tục gõ mõ, đọc sớ cùống cho đến lúc lễ tất với một giọng trang nghiêm, đĩnh đạc, đúng điệu của một thầy phù thủy lành nghề!

GIẢ ĐUI ĐƯỢC ĐÃI

Ông Tuyn thường về các làng nên thanh thiếu niên biết ông rất nhiều. Một lần ông về Làng N. gặp một tốp thanh niên. Chúng giữ ông lại và thách đố:

— Ông ơi, chúng cháu xin đãi ông một châu rượu, nếu như...

— Cái chi? — Ông hỏi.

— Thưa ông, ở ngoài cái giếng kia có mấy cô gái đang tắm. Ông mà ra tận nơi để nhìn được là tụi cháu xin hầu ông.

— Dễ ợt!

Nói rồi, ông bắt đầu thực hiện kế hoạch. Ông bẻ một cành cây bên đường làm gậy, đội nón nhắm mắt lại, giả người mù. Cứ thế, ông bước lảo đảo đến cái giếng tận ngoài lùm cây rậm rạp. Các cô gái đang tắm thấy ông già mù nên không sợ, lại cười khúc khích. Ông Tuyn lần được đến giếng và nói:

— Các cháu ơi! Ông khát nước quá, cho ông xin một miếng.

Một cô múc nước cho ông. Ông uống một hơi xong, khà một tiếng thật mạnh, thể hiện rất khoái chí. Đoạn mở mắt ra, tỉnh bơ nói:

— Cảm ơn các cháu.
Chà! Nhờ miếng nước
giếng mát quá, mà mắt
ông sáng ra.

Thấy thế, các cô gái
đỏ mặt mắc cỡ, chạy trốn
hết. Đám thanh niên phục
mưu cao của ông và thực
hiện lời hứa chiêu đãi
ngay ông một châu rượu.



HIẾU LẦM

Ông Tuyn đi hớt tóc. Người thợ hỏi:

- Bác hớt kiểu gì?
- Hết trơn. — Ông nói.

Anh thợ nghĩ “hết trơn” có nghĩa là cắt trọc hết,
nên anh cứ cầm tông—đơ hớt trọc đầu ông Tuyn. Xong,
anh thợ hỏi tiền. Ông Tuyn chững chạc nói:

— Mình bảo khi này hết trơn, tức là không
còn đồng nào trong túi. Thấy anh không có phản
ứng gì, mình yên trí là anh vui lòng giúp cho. Bây
giờ, anh lại đòi tiền, mình lấy đâu ra mà trả... Thôi,
xin cảm ơn anh nghe. Coi như anh thợ cắt giùm.

Rồi ông ôm đầu trọc ra về!

TRUYỆN CHÀNG CU

(DÂN TỘC MƯỜNG)

CU VÀ ANH LÁI BUÔN

Xứ Mường có anh chàng Cu vừa lười vừa láu cá nhưng cũng khá thông minh. Một hôm, có anh chàng lái buôn đến nghỉ ngơi nhà Cu, học lóm bạn bè, Cu tính chơi anh lái buôn một ván. Cu bảo:

– Tôi sẵn sàng cho anh ngủ nhờ, nhưng nhớ nếu đêm nay anh ỉa bậy ra nhà tôi thì phải đền gánh hàng của anh.

Anh lái buôn gật đầu.

Đêm ấy, Cu lấy bột bắp xay trộn với trứng gà ung, nấu một nồi cháo nhưng cháo chưa nguội thì Cu nôn nóng đem đổ vào mông đít người lái buôn. Anh lái buôn giật mình thức dậy, hiểu ra sự việc và nện cho Cu một trận. Thấy sự không thành, lại còn bị no đòn, Cu liền chạy đi tìm bạn xin hiến kế. Người bạn thì thắm vào tai Cu và anh ta hí hửng chạy về.

Lúc này người lái buôn đã ra đi. Cu vội chạy vào chuồng, cắt phăng cái đuôi con lợn sề và chạy đường tắt, băng qua cánh đồng ra đón đường anh lái buôn.

Đến một chỗ đường có vết nứt, Cu nhét ngay cái đuôi lợn xuống và làm bộ măm mồm môi măm lợi giữ lấy cái đuôi.

Lát sau, người lái buôn kia đi tới, thấy vậy liền hỏi:

– Anh đang giữ cái gì mà dạng chân ra vậy?

Cu hớn hén trả lời:

– Con lợn tôi sống chuồng, tôi đuổi ra đến đây thì chui xuống đất. May mà tôi nắm được cái đuôi.

Người lái buôn sốt sắng:

– Anh để tôi giữ cho còn anh thì về nhà lấy thuốc ra đào. Mau lên!

– Nhưng con lợn tôi to lắm. Anh mà để vuột mất là tôi đền cả gánh hàng đấy.

Người lái buôn đồng ý. Cu liền chạy về nhà, lấy thuốc rồi ra núp ngay vào bụi rậm gần đấy chờ. Anh lái buôn chờ hoài, đến trưa mà vẫn không thấy Cu đâu, anh ta nóng ruột, giật mạnh cái đuôi lợn lên... Phụt! Ngay lúc ấy, Cu cầm thuốc lao ra gào lên:

– Anh làm mất con lợn sề rồi. Đền cho tôi! Đền cho tôi!

CHỈ CẦN LÀM BẰNG CÁI VỎ CỦA ĐỒNG, CỦA ĐÁ

Suốt ngày, Cu nằm ườn, không chịu làm gì. Vợ sốt ruột hỏi:

— Bố Cu đi làm nương phát rẫy, chứ không thì chết đói à?

Cu không nói gì cả. Vợ Cu lại giục:

— Không làm nhiều thì làm ít cũng được! Làm bằng cái vỏ của đồng, của đá thôi cũng được!

Nghe vợ nói vậy, Cu không trả lời, vác cuốc vác dao đi ra rừng phát nương. Cu đi vào trong chuồng vịt, tìm được một cái vỏ của đồng, bỏ vào túi.

Chờ mãi không thấy chồng về ăn cơm, lo chồng làm chăm chỉ quá sức, nên vợ Cu đi ra nương để tìm chồng. Vợ thấy Cu đang ngủ khì dưới gốc cây. Nhìn ra nương thì chẳng thấy phát được tí nào cả, vợ Cu bèn gọi:

— Bố Cu! Bố Cu! Sao chỉ nằm ngủ thế? Dem cả cuốc cả dao mà chẳng làm được gì cả thế?

Cu dụi mắt tỉnh dậy, cầu nhau:

— Thế chẳng phát nương đấy là gì?

— Trời ơi! Mẹ mày đứng giẫm, che lấp chỗ phát nương của tôi kia kia! Đứng tránh ra đi chứ!

Vợ Cu đứng dịch ra thì thấy một khoảng bé tí tẹo được phát sạch ở ngay lòng bàn chân. Vợ Cu kêu lên:

– Phát gì mà chỉ được bằng cái vỏ cua thế này?

Cu trợn mắt lên cãi:

– Thế sao mẹ mày bảo tao chỉ cần phát bằng

cái vỏ cua đồng, cua đá thôi mà. Đây, thử đo xem có bằng không?



Nói đoạn, Cu thò vào túi, vớt ra cái vỏ cua đồng. Cái vỏ cua lăn ra và lăn đúng vào chỗ Cu vừa phát.

NƯỚC CANH PHƯỢNG HOÀNG

Vớ được một anh chồng như vậy kể cũng phiền! Thế nhưng vợ Cu vẫn cố nghĩ ra cách để Cu phải đi làm nương thật sự. Chị ta làm hơn ba mươi chiếc bánh đem treo ở đầu nương một chiếc, ở cuối nương một chiếc. Cứ thế mà treo la liệt cho đến hết số bánh, để Cu vừa làm vừa lấy bánh ăn. Quả nhiên Cu làm hăng quá, cái nương phát vừa rộng vừa dài

đến nỗi một con chim phượng hoàng bay mỗi cánh nên rơi xuống nường. Thế là Cu bắt được con phượng hoàng, bèn chặt một khúc chuối con, buộc vào chân chim rồi thả bay lên và dặn:

– Phượng hoàng! Mày hãy bay về nhà tao. Vợ tao làm thịt mày nấu với chuối. Bay đi!

Con chim phượng hoàng kéo khúc chuối nhỏ bay đi mất.

Trên đường về nhà, Cu hí hửng vì sắp được ăn thịt chim phượng hoàng nấu với chuối. Đến nhà, thấy vợ đang nấu một nồi nước, Cu tưởng vợ nấu thịt chim phượng hoàng và chuối, nên sà vào múc, húp lấy húp để, nói:

– Không có cái, thì húp nước! Không có cái, thì húp nước!

Vợ Cu chạy ra kêu lên:

– Ấy chết! Sao lại húp nước luộc quần áo. Anh không nhìn thấy rận bị nấu chín nổi lên đấy à?

Đến lúc này, Cu mới giật mình vì vừa húp trúng một con rận chết nổi, béo mẫm. Cu la lên:

– Thế thịt chim phượng hoàng với chuối mẹ Cu nấu ở đâu?

CHÉ NHƯ CHÉ BÀ CU

Hôm sau, vợ Cu bảo Cu đi đốt nương và dặn :

— Nếu gió xuôi thì đốt đầu! Nếu gió ngược thì đốt chân!

Cu ra đến nương mới đứng một lúc, thấy gió thổi ngược, bèn châm lửa đốt vào lòng chân. Quả nhiên lửa cháy xèo xèo làm Cu nhảy cuống cuống, chui vào bụi lau khô. Thế là lửa ở chân bắt sang bụi lau bốc cháy. Thế là Cu đốt được nương. Lửa cháy mạnh quá, nên con hoẵng bị chết cháy nằm lăn queo. Cu đến nơi nhìn thấy con hoẵng có cái “ché” như của vợ mình, liền tưởng là cái “ché” của vợ nên khóc:

— Chân thì giống chân con me (bò con), ché thì như ché mẹ Cu! Chân thì giống chân con me! Ché thì như ché mẹ Cu!

Cứ thế, Cu vừa đi về nhà, vừa khóc vừa than như vậy.

Thấy chồng khóc, vợ Cu bảo chồng dẫn ra nương xem, rồi nói:

— Không phải “ché” của tôi đâu, mà là “ché” của con hoẵng đấy! Đem nó về suôi mà làm thịt.

Đến lúc này, Cu mới hết tưởng nhầm, ngoan ngoãn nghe lời vợ, vác con hoẵng về suôi mổ thịt.

MÀY MUỐN ĂN À?

Cu ngồi trên một phiến đá chìa ra mặt suối để làm thịt con hoẵng. Đang mổ thịt, chợt Cu thấy có một thằng cha nào ở dưới lòng suối cứ nhìn mình chằm chằm.

Cu tức quá, quát:

– Mà nhìn gì tao?

Tức thì cái thằng dưới nước cũng quát lại vang tận vách đá:

– Mà nhìn gì tao?

Hỏi xong Cu cúi đầu xuống nước. Quả nhiên, cái thằng cha đó cũng gật đầu một cái.

– Mà muốn thi... này! Cho mà cái tai này. Thích nhé!

Cu cười vui vẻ, thì quả nhiên cái thằng cha đó cũng cười vui vẻ đáp lại.

– Đây! Cho miếng mỡ, ngon nhé!

– Đây! Cho mà cái đùi trái.

– Và cái đùi phải.

– Đây cả bộ lòng nữa đây.

– Tất cả xương sống, xương sườn.

– Hết rồi! Còn cái phổi, tao cho mà nốt.

Ai ngờ cái phôi nó nhẹ nên nổi trên mặt nước. Cu thấy vậy cười nói:

– Ha ha ha! Mày ăn đủ chán rồi à? Thôi thì tao xơi cái phôi vậy.

Nói rồi, Cu xách cái phôi về cho vợ. Chị ta ngạc nhiên hỏi:

– Sao cả con hoẵng, lại chỉ có cái phôi thôi?

Cu bình thản trả lời:

– Có một thằng cha ở dưới suối nó cứ đòi ăn thịt hoẵng, nên tôi đã quăng cho nó ăn hết cả rồi! Chỉ còn cái phôi này là nó chê, nên mới mang về đây.

– Trời ơi! Đó là cái bóng của anh, nó chiếu xuống nước chứ làm gì có thằng nào ở dưới suối mà vớt hết cho nó ăn! Rõ khổ!

GIÁC! GIÁC! MỪNG GIÁC!

Một lần, bắt được thú rừng, vợ Cu bảo chồng đem đến biếu một phần cho bố mẹ vợ, nhưng Cu không nhớ là quê bố mẹ vợ ở đâu nữa.

Vợ Cu phải nhắc:

– Ở tại Mừng Giác chứ ở đâu nữa!
– Chịu thôi! Tôi đi đường xa, lại quên mất.
– Thôi thì bố Cu cầm theo con gà mái này. Nếu có quên thì cứ đập vào nó thì nó sẽ nhắc cho. Chị đập vào con gà mái. Nó kêu đánh “giác” một cái.

– Thấy chưa! Mừng Giác, cứ thế mà đi, ắt tới.

– Ừ. Được rồi! Mừng Giác! Giác! Giác! – Cu nói.

Cu đem theo con gà và một đùi thịt to tướng để biếu bố mẹ vợ.

Đi đến ngã ba giữa rừng, Cu quên mất tên bản, anh ta đánh vào con gà mái một cái. Con gà mái kêu: “Giác”, “Giác”.

A! Mừng Giác. Mừng Giác. Nhờ có con gà mà cu hỏi thăm đường, đến đúng nơi ở của bố mẹ vợ để biếu quà.

KHỎE NHƯ NẢI CHUỐI, KHỎE NHƯ KẼN RƯỢU

Cu đến được nhà bên vợ, bà mẹ hỏi con gái bà có khỏe không?

Cu nhìn thấy trên mái nhà có treo một nải chuối chín. Nổi cơn thèm, Cu liền trả lời:

– Khỏe hủn hủi như nải chuối chín.

Nghe nhắc đến nải chuối chín, mẹ vợ liền hạ nải chuối chín xuống đài Cu ăn.

Bố vợ lại hỏi:

– Mẹ thằng Cu có khỏe không?

Cu thèm uống rượu, nhìn thấy cái kên rượu của bố vợ để ở gần cửa buồng, liền trả lời:

– Khỏe hỏn hênh như kên rượu của bố để ở kia kìa!

Bố vợ nghe vậy, liền sực nhớ liền lấy rượu ra cho Cu uống.



4 LỎA, CHÀNG NÓI KHOÁC GẶP MAY

(Dân tộc Ê Đê)

HƠ BIA KÉN CHỒNG

Ở một vùng rừng rậm núi cao, nơi mà ông bà của người Ê ĐÊ xưa từng lập buôn làng, có vợ chồng một tù trưởng hùng mạnh. Trong nhà, chiêng ché, nồi lớn, nồi nhỏ quý giá xếp đều như ốc sên: ngoài bãi, ngựa voi thả thành từng đàn. Nhưng ông bà thường không vui bụng vì nổi chưa có con. Sau cầu cúng nhiều lần, ông bà sinh được một người con gái.

Ông bà tù trưởng rất chiều quý con gái, và chỉ cho phép mọi người trong buôn gọi nàng là Hơ Bia. Lâu ngày dần quen, Hơ Bia biến thành tên riêng của nàng.

Hơ Bia càng lớn, càng đẹp. Từ ven sông to, suối nhỏ, đến chân núi cao, rừng thưa, quả thật không một cô gái nào đẹp bằng nàng. Đến tuổi cưới chồng, bàn tay càng thêm khéo léo. Nàng chăn heo, gà mau lớn và nhiều con. Nàng dệt chăn thêu

khố, màu sắc chần, khố lộng lẫy như màu sắc cầu vồng, còn thêu con chim, con cá hình nổi lung linh như chim cá sống. Nàng bước tới đâu, ở đó sáng lòa như ánh chớp, đến các cụ già tóc bạc như nắm bông gòn cũng phải trầm trồ, xuýt xoa...

Ông bà tù trưởng tính chuyện tìm kiếm khắp trai làng đông, tây một người chồng xứng đáng cho Hơ Bia. Nhưng, từ các con tù trưởng giàu sang, hùng mạnh nhất đến các chàng trai tài giỏi, có sức săn hổ, bắt voi, siêng năng nung rẫy chưa một ai được nàng vừa ý. Cha mẹ ước hết người này người kia, nàng lắc đầu hoài. Thấy vậy, ông bà đâm lo vì không có người thay thế lúc chân già tay yếu.

Bỗng một hôm, đang ngồi chơi mát, Hơ Bia tự nhiên bảo cha mẹ:

— Bây giờ gặp chàng trai nào có tài bắn tên xuyên qua mắt chim nhỏ, sáng sáng dậy trước cả con gà rừng mà chăm lo việc nung rẫy, con mới ưng cưới làm chồng!

Nghe Hơ Bia nói vậy, cha mẹ nàng mừng, nhưng lại rất lo lắng vì khó kiếm đâu ra một chàng trai như vậy.

Tin Hơ Bia chỉ lấy một chàng trai nào “có tài bắn tên xuyên qua mắt chim nhỏ, sáng dậy trước cả gà rừng lo việc nung rẫy” lan khắp mọi bên nước gần xa. Tin đến tai một chàng trai họ tên là



Y Lóa. Anh chàng không phải là con nhà giàu, cho nên chẳng mấy ai biết tới.

Nhưng Y Lóa từ bữa biết ý riêng của Hơ Bia là vậy, thì chàng không ngày nào, lúc nào không nghĩ tới nàng, dù lên rừng, sang buôn đông, làng tây. Cho tới một hôm, chàng hăm hở vác chà—gạc vào rừng...

Trên đường vào rừng, Y Lóa phải lội qua suối rộng. Chàng thấy trên bãi đất lầy bên suối vô vòng dấu chân chim. Chàng bèn chặt cây, làm năm chiếc bẫy kẹp quanh đó rồi ra về.

Mỗi ngày, Y Lóa đi thăm bẫy, nhưng hình như đàn chim đã bỏ đi. Chàng bắt đầu ngán ngấm, thì may sao, hôm thứ bảy, một con chim nhỏ màu xanh biết rất đẹp vừa dính bẫy lúc chàng đi qua. Xác con chim đang còn nóng hổi. Y Lóa mừng hết nói. Anh chàng rút luôn mũi tên của mình cắm vào mắt chim, đoạn ba chân bốn cẳng chạy đến buôn của người tù trưởng, vớt vào nong thóc của nàng Hơ Bia đang phơi ngoài nắng.

Hơ Bia vừa trong nhà bước ra, nghe tiếng “phịt”, và thấy một con chim xanh dính tên trúng

mất rơi xuống nong thóc. Nàng chẳng kịp nhìn tìm người bắn, lượm luôn con chim có dính mũi tên và chạy vào khoe cha mẹ:

– Cha mẹ coi này, chàng trai tài giỏi quá chừng, bắn tên xuyên trúng mắt chim!

Ông bà tù trưởng mừng rỡ. Bà cầm xem mũi tên và con chim. Ông lớn tiếng gọi:

– O Y Sua, Y Ba, hai đứa cầm chà–gạc máu công, cầm mác chày cán đến ngay, giúp ta đi gọi hết trai làng đông, làng tây tới, xem thử ai là người bắn chim trúng con mắt và siêng việc nương rẫy, dậy sớm hơn con gà trong rừng. Người ấy sẽ được lấy con gái vòng đồng nhẫn bạc của ta.

Y Sua và Y Ba cưỡi ngựa chạy hết làng này, làng khác, báo tin. Nhiều trai tráng các làng lần lượt kéo tới đầy sân nhà Hơ Bia.

Tù trưởng cha tươi cười bước ra, giơ mũi tên và con chim lên, hỏi:

– Ai là chủ mũi tên tài giỏi này? Các anh hãy so thử, xem ai xứng đáng làm chồng con gái yêu quý của ta?

Mọi chàng trai đều mang cái mũi tên của mình ra so. Nhưng, không một mũi tên của ai giống hết. Họ lúng túng, xấu hổ, lảng lạng theo nhau rút lui

dẫn. Vợ chồng tù trưởng thấy vậy rất buồn Hơ Bia cũng rất buồn...

Ba ngày liền, nhà tù trưởng mở rộng cửa, đợi người có mũi tên bắn xuyên mắt chim tới nhận, nhưng không ai tới. Vợ chồng tù trưởng đứng ngồi không yên...

Y Sua, Y Ba nghĩ điểm lại từng người trai tráng, rồi mới nói với tù trưởng:

– Tù trưởng là người giàu sang, không ai dám làm sai bụng ông muốn. Trai làng đông, làng tây đã gọi đến cả. Nhưng ta bói thử xem còn sót ai không?

Tù trưởng bằng lòng, đưa cho Y Sua cục cơm nguội, Y Ba một cái trứng gà. Hai đứa đến ngồi trước ngưỡng cửa lớn để bói.

Y Sua, Y Ba ngồi bói, nhưng họ bói đâu có giỏi. Họ thấy đường nào cũng cụt. Cuối cùng, mệt quá, họ ngủ gật, làm rớt cả cơm lẫn trứng xuống gầm sàn. Chó, heo giành nhau ăn cơm, ăn trứng cắn nhau ý oằng làm Y Sua, Y Ba sức thức dậy. Họ chợt nhớ, bảo tù trưởng:

– Thần linh bảo chỉ còn mỗi Y Lóa là chưa tới so mũi tên. Hãy gọi Y Lóa!

Tù trưởng lại sai Y Sua, Y Ba đi tìm Y Lóa.

– Ở Y Lúa, chúng tôi tới đây không phải việc này việc nọ, mà là để gọi anh so mũi tên, nếu đúng thì anh sẽ là chồng của Hơ Bía, con gái yêu của chủ chúng tôi.

Y Lúa dọn cơm, rượu đãi khách. Anh chàng làm bọn Y Sua, Y Ba nóng ruột, phải giục hai lần, ba lần mới chịu đi.



Tù trưởng đứng đón Y Lúa tận nơi cầu thang, đưa cho chàng mũi tên và con chim xanh. Chàng nhận ngay là mình đã bắn chim, và khi đặt thử mũi tên lên rãnh nỏ của chàng, thì mũi tên trước sau, phải trái đều vừa khít. Lại so thêm với các mũi tên giắt trong ống của chàng, mũi tên chẳng khác nhau nửa sợi tóc. Vợ chồng tù nói cùng Y Lúa:

– Từ nay, anh sẽ là chồng của con gái ta!

Đám cưới linh đình. Người Bib, người H'nonh, cả người Doãn cũng tới dự, ăn thịt, uống rượu vui vẻ...

KÊ THÙ DÒM NGÓ

Y Lóa về ở với vợ. Từ đó, anh chàng ít đi săn bắn, mà chỉ siêng nấu nướng rẫy. Gà rừng chưa gáy, anh chàng đã ở ngoài núi, còn việc đan lát này nọ trong nhà, thì anh cũng tỏ ra là người khéo tay.

Đến một mùa sau, nhà tù trưởng theo lệ “ăn năm uống tháng”, giết một con heo, cột bảy ché rượu. Tù trưởng sai chàng rể ra sưởi làm lòng heo...

Làm vừa xong, Y Lóa để bộ lòng trên tảng đá, rửa tay chân. Bỗng chàng để ý lắng nghe thấy nhiều người đang bàn cãi. Đó chính là bọn người không lấy được Hơ Bia nên đem lòng ghen tức; họ đang bàn nhau cách đến đánh cướp Hơ Bia để trả thù. Đúng lúc ấy, một đàn quạ thấy lòng heo sà xuống, định ăn. Y Lóa hốt hoảng la đuổi:

– Ươ!... ươ!... Đánh hết lũ bay đi! Giết hết lũ bay đi!... Ươ... Ươ!...

Đàn quạ nghe tiếng động, bay tán loạn, vừa kêu ầm ĩ. Bọn người định đánh cướp Hơ Bia bỗng giật mình, tưởng lộ và đang bị vây đánh, vội vàng vứt hết giáo mác, tháo chạy mỗi đứa một đường.

Y Lóa thu được nhiều giáo mác, vác về nhà cùng với cỗ lòng heo. Anh chàng nói với tù trưởng:

– Có bọn gian mưu toan đánh cướp buôn làng ta. Con đang làm lòng heo. Nghe chúng kéo tới, bèn xông ra đánh. Chúng thua chạy hết rồi, bỏ lại bao nhiêu là khiên, dao, giáo mác đây!

Bố vợ chàng mừng quá, càng phục tài con rể. Ông loan tin cho buôn làng cùng biết và sai giết thêm heo thến, cột thêm năm ché rượu để chúc mừng sức khỏe cho con rể.

Ngày “ăn năm uống tháng” đã hết. Tù trưởng bàn với các già làng sai tất cả trai tráng phải sửa soạn khiên, dao, giáo, mác cùng đi canh giữ trên mọi ngã đường, đề phòng kẻ gian lại tới cướp phá.

Y Lóa lo rằng mọi người sẽ chọn chàng cầm đầu họ, chống giữ với kẻ thù bèn bảo bố vợ:

– Đi vậy không hay kẻ gian ắt biết mà tránh chỗ đông người. Cho nên ai đi thành đoàn thì cứ đi, còn con, con xin đi phục mà chặn đánh họ một mình.

Bố vợ chàng nghe thế cũng phải, bằng lòng cho chàng đi một mình.

Y Lóa chọn con đường xa nhất, hẻo lánh nhất. Anh chàng tin chắc kẻ thù sẽ không khi nào chọn con đường đó. Anh lại còn kiếm một cây cao và to nhất trèo lên, nấp vào chỗ cành lá rậm rạp nhất.

Như vậy vẫn chưa yên lòng, anh chàng luôn đảo mắt láo liêng khi nhìn khắp ngã...

Giữa trưa, một bọn người rất đông rầm rập kéo tới ngồi nghỉ và ăn uống ngay nơi gốc cây Y Lúa đang nấp. Khiên, đao, giáo, mác họ dựng thành đồng. Vừa ăn uống, họ vừa tìm cách tới đánh buôn làng của cha Hơ Bia. Họ nói nếu tóm cổ được Y Lúa, họ sẽ cắt tai, xẻo mũi và bắt chàng về làm nô lệ muôn đời.

Y Lúa sợ run cầm cập, làm rung cả cành cây to đang ngồi. Sợ đến nổi són cả phân. Không may, cục phân rớt xuống bên một người đang ngồi gần đó, mùi thối hoảng. Máy người khác đang ăn uống cũng gần đó, nhìn thấy phân, chửi toáng lên:

– Ở Y Sút, thằng cọp tha, gấu bắt, sao mà khinh chúng tao, dám ỉa bậy nơi mọi người đang ăn? Chúng tao phải bắt mày trả nợ!



Bọn họ súm vào đánh Y Sút. Anh em của Y Sút nổi giận chống trả. Họ đánh lộn nhau giữ đội, nhiều kẻ chết và bị thương nằm la liệt. Cho tới lúc một già làng kêu gọi họ dừng tay, lúc bấy giờ họ

nổi chìm. Họ xúm lại khiêng những kẻ bị thương về trước, bỏ lại rất nhiều xác chết và khiêng, dao. Cuộc mưu đánh buôn làng bố vợ Y Lóa để trả thù của họ như vậy là bị bỏ dở.

Họ đi rồi, Y Lóa trụt xuống khỏi nơi nấp trốn, thu nhặt khiêng, dao, vác về làng. Chàng nói với mọi người:

– Lu làng thấy đó, tôi đoán trúng ý kẻ gian. Chúng kéo đến định trả thù, đông như kiến, mối. Tôi đợi lúc chúng mãi ăn cơm mới xông vào giết được nhiều đứa. Chúng sợ, chạy hết rồi. Ai không tin, tôi dẫn đến tận nơi cho mà coi.

Nhiều người trong buôn đua nhau đi coi. Tới chỗ đánh nhau, họ thấy ngổn ngang xác chết cùng giao mễ, ai cũng lắc đầu, lè lưỡi, và thăm phục Y Lóa, coi chàng là người tài giỏi nhất.

Bố vợ Y Lóa củng sức khỏe cho chàng bằng năm con bò và năm ché rượu. Buôn làng ăn mừng thắng trận, chiêm trống rền trời suốt năm ngày đêm.

Một buổi sáng khác, tù trưởng cha Hơ Bia bảo dân làng:

– Ở hết thảy lư làng đó đây! Ta dựng bên nước này từ trăm mùa rẫy, chưa hề gây chuyện gây xương, đổ máu với ai. Thế mà họ định tới đánh

ta những hai lần, bắt ta về làm kẻ chăn trâu, giữ heo cho họ. Nay, ta bắt họ phải trả món nợ đó!

Tù trưởng sai đâm trâu, cột ché rượu dãi làng no say trước khi đánh kẻ thù. Ai cũng hăng hái, riêng mình Y Lúa không uống rượu, ngồi đứng không yên. Mãi sau, Y Lúa tự nhủ: Thế nào cũng phải cùng đi đánh nhau rồi, chỉ còn một cách là ta phải cưới con voi lớn nhất, thì kẻ định giết ta mới không dám tới gần. Chàng bèn nói khéo với bố vợ:

– Buôn làng ta đi đánh để trả thù, nhất định sẽ được nhiều của cải mang về. Con bằng lòng cưới một con voi lớn nhất, khỏe nhất bầy của nhà ta đi!

Bố vợ tưởng thật, bảo nô lệ bắt ngay bành lên con voi có cặp ngà to như hai cây cột nhà rộng cho Y Lúa.

Y Lúa cưới voi đi giữa đoàn người, khiến, đao nhiều như lau lách, khua rừng rảng... Tới nơi, cả làng xông vào bên địch mà đánh chém. Y Lúa ngồi trên bành voi cao ngất, run sợ đến rung cả đầu voi, khiến voi lồng chạy lung tung, xông thẳng cả vào làng bên địch mà không biết. Bên địch vốn sợ voi dữ, họ kéo nhau bỏ mà chạy vào rừng chẳng kịp nghĩ gì nhà cửa, của cải.

Thắng trận, Y Lúa nói:

– Không cười voi này mà đánh thì làng họ đâu đã chịu thua! Bây giờ hãy chất đầy cửa cái lên voi, còn ai lấy được mang được thì cứ mang, cứ lấy!

Trở về, bố vợ chàng cho ăn mừng thắng trận, cùng cầu chúc cho chàng bằng bảy trâu đực và bảy ché rượu ngon. Ai cũng bảo nhà tù trưởng có phúc lớn mới được chàng rể khôn ngoan và tài.

ĐÁNH NHAU VỚI TÊ GIÁC

Năm ấy, vào tuần trăng sáng, từ rừng già phía đông buôn, một con tê giác sừng to như bắp chuối về quấy phá. Dân làng đều sợ, chẳng ai dám ra khỏi nhà.

Cả làng xin kéo nhau đi đánh đuổi tê giác. Ai có dao mang dao, ai có mác xách mác. Kẻ không có dao mác thì vác gậy gộc hoặc cung tên. Họ đi rậm rịch, mạnh như bầy hổ.

Được nửa đường, Y Lúa nói với mọi người:

– Tôi sẽ đi phục đánh tê giác mình tôi một đường. Các người đi đường núi này, tôi đi lối suối nước kia!

Nói rồi, Y Lúa tách đi riêng, chẳng đợi ai nói gì. Bụng anh chàng tính đi theo con nước tới nơi



mà anh ta đoán là tê giác không thích ở, hoặc chạy qua. Vừa đi, Y Lúa vừa nhìn trước ngó sau, xem bên phải, bên trái, mắt luôn đưa đi đưa lại. Được một quãng khá xa, bỗng nghe ầm ầm tiếng cây đổ ngã. Đúng là tê giác đang chạy đó. Y Lúa vội vàng kiếm một cây to trèo lên.

Lên được cành cây cao, còn muốn lên cành cao hơn cho thêm chắc chắn. Vừa lúc tê giác chạy tới, vội vàng húc nhằm cả phải gốc cây mà Y Lúa đang trèo. Anh chàng sợ đến cứng chân tay, tuột rơi xuống lưng tê giác. Anh ta bám chặt trên lưng tê giác. Tê giác bị bắt ngờ có người cưỡi trên lưng, hoảng hốt cầm đầu chạy thục mạng. Nó đang chạy bỗng nghe có tiếng dân làng reo hò, nó chạy càng nhanh, gặp bãi lầy, nó lao xuống. Thế là nó bị lún ngập chân, ngập bụng, lún sâu dần, chỉ còn trơ trọi tám lưng lớn rộng hơn cả cây gô cà – tê cố trụ, còn đầu và sừng thì cắm dưới bùn như nơi đầm trong rừng bá Sun Y Rít.

Khi dân làng tới nơi, Y Lúa bị ả dừng thẳng trên lưng tê giác, la lớn:

— Ở bà con buôn làng, không phải bán phí tên thuốc độc. Tôi đã nhận tê giác chìm ngụp nơi bùn nhão rừng đen đây rồi! Đợi chút nữa nó chết hẳn, ta sẽ kéo lên mà xẻ thịt.

Dân làng mừng vui reo hò vang động rừng núi như sấm. Khi tê giác chết hẳn, mọi người lôi xác lên, xẻ thịt đem về.

Để mừng công con rể một mình dìm tê giác ngụp giữa bãi lầy, tù trưởng lại cúng thêm bảy con trâu đực to và bảy ché rượu lớn.

CHÀNG NGƯỜI GIỎI

Từ đó, Y Lúa chuyên lo làm rẫy bắp, chẳng bao lâu của cải đầy nhà kín sần.

Nhưng rồi Hơ Bia, vợ chàng, nghĩ đến chuyện trao vòng cho người khác. Chuyện đến tai Y Lúa, làm anh chàng sôi mật, cháy gan. Y Lúa tính chuyện bắt cho được đứa đã nằm chung với vợ mình.

Rình rập, đã nhiều, nhưng không sao bắt được. Một bữa, Y Lúa buột miệng hỏi vợ.

Hơ Bia chột dạ, hỏi lại:

— Sao anh biết điều đó?

Y Lóa giả giận, quay lưng lại. Mãi sau mới tìm được cách nói:

– Tôi ngồi thấy đó. Em tự ngồi mình xem có mùi trai lạ hay không

Hơ Bia bắt đầu sợ chồng, hỏi vặn mãi. Y Lóa bảo là mũi mình có thể ngửi hết nhiều chuyện trên đời. Hơ Bia thử:

– Được, em sẽ giấu chiếc vòng tay này, anh giỏi ngửi tìm tìm xem có thấy không đã.

Hơ Bia mang vòng đi giấu. Nàng giấu lên mái nhà. Y Lóa đã để ý nhòm trộm biết chỗ rồi.

– Anh đã tìm thấy chiếc vòng thì sao? – Anh chàng hỏi vợ.

Vợ chàng đáp là sẽ đền bằng đủ thứ mà chàng muốn. Y Lóa bèn đi nhanh khắp nhà, tới chỗ vợ giấu vòng, dừng lại, vờ ngửi ngửi, hít hít, đoạn lôi chiếc vòng dưới mái tranh ra. Hơ Bia tưởng chồng có cái mũi ngửi mọi chuyện thực, nàng sợ, và từ đó không dám ăn nằm với trai trong lúc chồng đi nương rẫy, vắng nhà nữa.

Tiếng đồn Y Lóa có tài ngửi giỏi lan ra khắp mọi bên nước gần xa. Vào giữa năm trời không mưa, cây cối héo vàng chết khô, trâu bò heo gà gầy rộc, chết khát, nhiều người thiếu nước, đói cơm. Một làng nọ bèn bàn chuyện mời Y Lóa tới ngửi

giúp xem vì sao mà trời không cho mưa xuống, để mùa màng mát sạch.

Người ta mang voi, ngựa tới đón Y Lúa, khiến anh chàng không thể từ chối.

Giữa đường đi, Y Lúa chợt nghe tiếng ếch kêu. Y Lúa biết là trời sắp mưa. Chàng bèn bảo những người đi đón:

— Các anh về trước! tôi có việc cần một chút rồi đến sau.

Y Lúa xuống vo, tới chỗ vũng lầy nay đang khô cạn, nứt nẻ. Chàng tìm tới chỗ còn những lùm cỏ xanh, và quả nhiên dẫm trúng một chú ếch. Y Lúa tóm chú ếch, dọa:

Ếch sợ quá, hỏi:

— Người ta mời anh vì chuyện này chuyện nọ, đâu phải vì tôi! Tôi đang đói khát, phải núp bên bụi cỏ cho mát, can chi anh lại định bắt tôi?

Y Lúa bèn bảo ếch:

— Đúng vậy, Trời không mưa, cả buôn làng sắp chết khát, họ mời tôi tới ngồi giúp xem mắc mứu



chuyện gì mà các thần linh trên trời không cho nước. Tôi không định ăn thịt ếch, nhưng ếch phải giúp tôi!

Ếch bảo Y Lóa:

– Tưởng chuyện chi, nếu là chuyện đó thì tôi giúp được. Anh cứ vô trong làng, đợi khi nào nghe tiếng tôi kêu thì bắt đầu anh đi ngủ, xong anh về nói cho họ biết la ba hôm nữa trời sẽ mưa.

Y Lóa mừng lắm, thả ếch ra. Chàng vào làng, ăn cơm, uống rượu mà mọi người đã sửa soạn sẵn để tiếp đón chàng. Rượu sai chàng báo với các già làng rằng:

– Buôn làng ta nghèo khó, tôi sẽ giúp.

Các già làng mừng quá, hứa hẹn nếu Y Lóa ngủ biết, giúp cho trời mưa thì sẽ biếu tặng chàng nhiều của cải, Y Lóa bảo:

– Làng ta đây đúng có chuyện không lành, tôi đã ngủ biết chuyện đó. Vì vậy mà thần linh phạt, không cho dân làng nước. Để tôi kêu với thần giúp cho.

Nói đoạn, Y Lóa đi về địa điểm đã hứa hẹn trước với ếch. Vừa lúc, đó ếch kêu một tiếng, hai tiếng... Y Lóa vờ ngủ ngủ, hít hít. Tới chỗ ếch nấp thì đúng lúc đó kêu tiếng thứ bảy. Y Lóa vờ cầu khẩn lảng nhãng, rồi quay về nói với các già làng đang ngồi chơi trong nhà rông.

– Thần linh bảo đã tha tội cho làng, và ba ngày nữa sẽ mưa.

Buôn làng náo nức mong đợi, nhà nào nhà nấy sắp sẵn các thứ để đựng nước cho nhiều. Tối ngày thứ ba, Y Lóa lại tìm ếch, hỏi xem trời có mưa thật không, ếch quả quyết trời sẽ mưa vào buổi trưa. Y Lóa bèn về làng, mạnh bạo tuyên bố trước mọi người:

– Buổi trưa, trời sẽ mưa, tôi đã ngủ, và các thần linh cho biết như vậy.

Tối trưa, trời kéo đầy mây đen, và chỉ một lát sau, mưa như thác trút nước xuống. Thừa nước uống ăn, thừa nước cho ruộng rẫy. Lũ làng họp nhau lại cúng mừng sức khỏe cho Y Lóa bằng trâu thiến, rượu ngon và biếu tặng chàng nhiều thứ.

Tiếng tăm chàng Y Lóa có tài ngủ ngày càng lan xa lan rộng, tới tận vua Kinh nơi vùng ruộng thấp, biển sâu. Đúng lúc ấy con gái vua Kinh ốm nặng. Nhà vua liền sai quan quân mang voi, ngựa tới mời Y Lóa.

Tới nhà Y Lóa, quan quân nói với chàng:

– Hỡi bạn Y Lóa tài giỏi! Tiếng đồn về tới tận tai vua chúng tôi. Công chúa con vua tự nhiên không thiết ăn cơm uống nước, biếng nói biếng cười... Vua đã cầu cúng đủ khắp các thần linh, nhưng

không rõ còn mắc mưu chuyện gì mà công chúa chưa khỏi. Chúng tôi được lệnh tới mời Y Lóa tới giúp vua chúng tôi.

Y Lóa hoảng quá, vội từ chối, nói là mình không có biết người hít chi hết. Quan quân thì cho đây là Y Lóa từ chối khéo nên nằn nỉ mãi, Y Lóa không từ chối được, bèn quanh co:

– Nhà của vua Kinh xa quá, sức tôi đi không thấu.

Quan quân nói:

– Xa mấy thì cũng đã có ngựa và voi, không cưỡi được ngựa voi thì đi cáng. Miễn là bạn chịu giúp nhà vua, tốn kém bao nhiêu chúng tôi cũng xin chịu hết.

Y Lóa chẳng còn có chi từ chối. Chàng bắt họ phải khiêng cáng cho chàng, nói rằng mình không quen cưỡi voi, cưỡi ngựa.

Nằm trên cáng Y Lóa nghĩ lung lăm, cùng không chắc đâu đã gặp may như các lần trước. Trốn thì làm cách nào mà trốn thoát bây giờ? Càng nghĩ, anh chàng càng sợ đến phát khóc được.

Đường xá gập ghềnh, chật hẹp, cành cây vương quật cả vào cáng Y Lóa đang nằm. Bỗng chàng nghĩ ra một mẹo. Khoái quá, chàng bụm miệng cười nột mình...

Lát sau, Y Lóa vờ buồn ngủ, ngáp rồ to. Và dợi khi qua rừng tre, chàng vờ ngủ say, gật hẳn đầu ra ngoài cangk, cho gai tre cào sứt mũi, chảy máu. Lúc đó chàng la thật to:

— Ở sao các anh chọn cho tôi đi con đường đầy gai góc này? Gai tre cào hỏng mũi tôi rồi đây!

Quan quân lo quá, chấp tay xin lỗi rồi rít, Y Lóa vẫn chưa thôi phàn nàn, kêu đau mũi. Và sau cùng chàng nói:

— Rủi ro, trên đường đi, do quân lính bất cẩn không cangk, để cành tre quệt làm chảy máu mũi của tôi, tôi e rằng bây giờ nó mất thiêng rồi. Quý trọng nhà vua và công chúa, tôi xin ngủi và phán đoán bệnh tình của công chúa để có phương chạy chữa. Nếu may, khỏi được thì là điều may mắn được thần linh phù hộ, bằng không là do mũi chảy máu nên mất thiêng...

Vua đành chấp nhận đề nghị của Y Lóa. Và sau khi Y Lóa làm phép xong, nhà vua cho quan quân đưa Y Lóa về ngay và tặng chàng nhiều của cải quý báu, coi như để đền bù cái mũi bị chảy máu của chàng.

Còn Y Lóa thì mừng như vừa thoát được một tai nạn lớn.

MỤC LỤC

TRUYỆN TRẠNG LỢN

Chuyện kể	5
Thiên tích thông minh	7
Trời có hai người, đất có một	9
Mua lợn	13
Bắt trộm	16
Thâm tình huyền lý	19
Dối chữ... thành thần	21
Làm thơ	23
Xem bói	26
Quyết làm cam chịu	28
Kết nghĩa	30
Đánh cờ với sứ Tàu	38
Thử gỗ	39
Đi sứ sang Tàu	39
Đoạn kết	48

TRUYỆN MÂN NHỤY

Chữa bệnh oan gia	52
Tìm vợ cho quan phủ	54
Ái thua cuộc?	56

TRUYỆN PHỦ TUẤN

Chữ thờ... Táo!	57
Nhận hối lộ	59
Trả trâu về đúng chủ	61

TRUYỆN ÔNG Ó

Mượn trâu	63
Tham thí thâm	65
Bữa nay bế đập Kỳ Hà	66
Tát đĩa	67
Ông Hương cả thềm thịt trâu	69
Nói láo lại đòi có sách	70
Con gà chọi nhà phó tổng	71
Bể hết trơn rồi!	73
Hỏi bà Chúa Xứ coi	74
Chạy về mà coi con	75
Hàng dừa của bà huyện	77
Câu ống	79
Xỏ vợ nhố anh nhà giàu	80
Chó săn	82
Xỏ anh nhà giàu	85
Nói láo có sách	86
Tôi là dân mần ăn mà	87
Bán sách nói láo	89
Ra Huế nói trạng	91
Thầy địa lý	93
Quan hưu trí mắc lừa	94
Lời dặn của thầy tôi	96

Nói gạt quan lớn	98
Khoai ngự	99
Nấu rượu bằng khoai	101
Chuyện lạ ở Huế	103

ÔNG TUYN

Chọc cô bán bình sứ	105
Làm sao đi xe khỏi tốn tiền?	106
Thầy phù thủy nặng bụng	107
Giả dui được dài	108
Hiếu lắm	109

TRUYỆN CHÀNG CU

Cu và anh lái buôn	110
Chỉ cần làm bằng cái vỏ cua đồng, cua đá	112
Nước canh phượng hoàng	113
Ché như ché bà Cu	115
Mày muốn ăn à?	116
Giác! Giác! Mừng Giác!	118
Khỏe như nải chuối, khỏe như kên rượu	119

Y LÓA, CHÀNG NÓI KHOÁC GẶP MAY

Hơ Bia kén chồng	120
Kẻ thù dòm ngó	126
Đánh nhau với tê giác	131
Chàng ngủ giỏi	133

NHÂN VĂN

Sưu tầm - tuyển chọn và giới thiệu

TRUYỆN VUI DÂN GIAN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập:

NGUYỄN TRƯỜNG

Bìa:

Lê Thành

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Xn In Tân Bình.

Giấy TNKHXB số 153/1338/XB-QLXB.

Cục xuất bản cấp ngày 20/9/05.

QĐXB số 308/TN/XBTN NXB Thanh Niên cấp ngày 19/11/05.

In xong nộp lưu chiểu Quý 3/2006



Trạng Quỳnh **XIÊN BỘT**

T1 25 trạng quỳnh xiên bột



1

007071

300922

14.000 VNĐ

Giá: 14.000đ

<http://tieulun.hopto.org>